

# NHỮNG TRANG NHẬT KÝ NGÀY XƯA

## TÔN NỮ MẶC GIAO

Sài Gòn ngày 30 tháng 4 năm 1975....  
Bầu trời xám ngoét, phủ một màu  
thê lương tang tóc. Mưa lất phất bay làm  
không gian thêm náo nùng, căng thẳng. Mọi  
người như đang nín thở, hồi hộp, chờ đợi một  
cái gì đó, chắc chắn là lành ít dữ nhiều khi  
nghe tiếng của Tổng Thống Dương Văn Minh  
tuyên bố trên đài phát thanh : "... buông súng,  
đầu hàng vô điều kiện..." rồi thôi, tịt ngóm,  
không nói thêm được một tiếng nào nữa. Bố  
tôi mở cổng ngõ sang dinh của ông tướng VTC  
thì thấy xe của ông không biết ở đâu chạy về  
đang từ từ lái vào trong sân nhà ông, trên xe  
còn nhìn thấy ông và vợ con, cánh cổng sắt  
đóng sập lại một cách nặng nề không thấy gì  
nữa. Bố tôi quay vào nhà nói như khóc: ngay  
cả ông tướng VTC mà cũng bị kẹt lại thì nói  
chi đến nhà mình. Tôi ngã người nằm xuống  
trong chán chường, mệt mỏi giữa tiếng khóc  
nức nở của bố mẹ tôi vì quá tuyệt vọng khi đã  
chạy từ ngoài Bắc vào Nam mà vẫn không  
thoát. Ngoài kia súng nổ giòn tan như pháo tét,  
chỉ khác là khi nghe pháo Tết, lòng người ta  
rộn ràng, vui sướng, hân hoan chào đón, hy  
vọng vào những ngày năm mới sắp đến. Còn  
súng nổ giòn tan bây giờ như đe dọa, như áp  
đảo tinh thần, như báo trước cho mọi người  
biết vận nước đã đổi xoay chiều, miền Nam sẽ  
không còn được những ngày nắng ấm tự do  
nữa, tôi thiếp đi trong mệt nhọc, hỗn loạn giữa  
những giằng co trong thần thức: bình tĩnh...

bình tĩnh... sống thì khó chứ chết thì dễ ợt, chỉ  
một viên thuốc là xong và tôi chìm dần vào  
trong giấc ngủ nặng nhọc....

Tôi tỉnh dậy giữa bóng tối đầy đặc không  
thấy gì, cổ họng tôi khô và chất đắng. Tôi bắt  
giác nghe thềm một ngụm nước mát, tôi ngồi  
dậy, lần mò tìm công tắc đèn để bật nhưng  
không có điện. Chuyện gì đã xảy ra? tại sao  
lại cúp điện ngang xương như vậy? Tôi nghe  
loáng thoáng tiếng bố tôi than phiền ở dưới  
nhà là ban sáng sau khi nghe lệnh đầu hàng  
của "Tổng Thống" xong, "lính mình" đã phần  
uất nên còn bao nhiêu đạn "nã" hết lên trời,  
đã bắn trúng dây điện đường nhà tôi cho nên  
cả xóm tối hù. Nghe vậy, tôi lại nằm xuống  
chả buồn tìm nến để thắp, chả cần tìm nước để  
uống. Cuộc đời mình rồi đây chắc cũng như  
người mù lần trong đêm tối, tôi bó gối âm  
thầm ngồi khóc một mình. Tôi không biết tại  
sao mình lại đau khổ đến như vậy? Hay tại tôi  
nhạy cảm quá cho nên dễ buồn dễ khóc? Tôi  
chỉ là một đứa con gái ngoài hai mươi tuổi,  
chưa chồng chưa con, tình yêu thì đã trôi xa,  
những mối tình "lụn vụn" cũng theo "vết lằn  
vết lằn trầm..." không đáng kể. Giờ phút này  
còn lòng dạ nào mà nghĩ đến tình yêu trong  
khi "nước mất là mất tất cả". Ôi! quê hương  
tôi, đất nước tôi sao lăm truân chiền, không  
biết từ bao giờ, chỉ biết từ khi tôi mở mắt chào  
đời đến nay, quê hương không một ngày ngưng  
tiếng súng. Bây giờ "hòa bình" đến (?) tôi thấy  
lòng hoang mang, ngơ ngác và lo sợ thật sự.  
Bởi đầu óc còn đầy ắp những tài liệu đã đọc  
được về cộng sản, những tin tức phóng sự

chiến trường còn nóng hổi của những ngày hỗn loạn tháng tư này. Nếu quả thật cộng sản “ngon lành” như câu “không có gì quý hơn độc lập tự do” thì tại sao họ tràn vào đến đâu, dân chúng co giò chạy đến đấy? Và nếu Bố tôi không vì đã “được” ném sơ mùi cộng sản ở quê nhà ngoài Bắc trước năm 1954 thì tội gì cụ lại bỏ cả gia sản sự nghiệp mồ hôi nước mắt tạo dựng nên để ra Hà Nội lập nghiệp rồi cuối cùng cũng phải trắng tay bồng bế nhau vào Nam sinh sống? Ôi! những ngày mai của tôi, của gia đình và của tất cả mọi người dân miền Nam rồi sẽ ra sao?

Ngày 1 tháng 5, 1975.

Bình minh ló dạng qua khung cửa sổ, một ngày sống với cộng sản đã trôi qua, tôi xuống nhà theo tiếng bố tôi gọi: “Kìa con! họ kêu gọi ai thuộc diện công nhân nhà nước thì hãy mau đến cơ quan đi trình diện kìa con!”. Tôi lồm lũi làm sơ vệ sinh cá nhân xong, thay quần áo rồi đi bộ ra bến xe buýt để đến sở trình diện xem mặt mũi “Việt cộng” ra sao? Và cũng nóng lòng muốn biết bạn bè ai còn, ai mất, ai tốt số may mắn đã thoát đi được? Trên suốt dọc đường số 1 của cư xá đô thành dẫn ra đến đường Phan Thanh Giản kéo dài xuống đường Cao Thắng, tôi thấy không biết bao nhiêu là “đống rác”. Nhưng đó không phải là những đống rác thường ngày mà là “di tích” sự sụp đổ của một chế độ, một quốc gia. Miền Nam Việt Nam của tôi đó! Còn đâu những bộ áo trận kiêu hùng của biết bao nhiêu binh chủng với những người lính hiên ngang không sợ chết, ngẩng mặt, ngược cao đầu sẵn sàng hy sinh để bảo vệ tổ quốc. Giờ còn đâu nữa màu cờ chính nghĩa phát phới, ngạo nghễ bay dưới trời tự do, tôi mở xách tay lấy cặp mắt kiếng đen đeo vào mắt để che dấu sự xúc động đang dâng trào không làm sao ngăn được khi nhìn thấy đống “di tích” giờ nằm yên như những nắm mồ vô chủ, và trong những “nắm mồ” đó, ngoài những bộ áo trận nhà binh kiêu hùng

của đủ mọi binh chủng ra, tôi biết chắc chắn rằng, có không nhiều thì cũng là một lá cờ vàng ba sọc đỏ nằm lẫn lộn, nhàu nát ở bên trong hoặc là phủ lên trên như những chiếc quan tài trở về từ chiến trường ở nghĩa trang quân đội được “Tổ Quốc ghi ơn”, mà tôi đã từng hơn một lần chứng kiến đưa tiễn người thân về lòng đất mẹ. Ngày đó tuy có đau lòng vì mất người thân nhưng vẫn thấy trong lòng hãnh diện, người thân đã được hy sinh cho màu cờ chính nghĩa quốc gia. Còn bây giờ? Mẹ Việt Nam ơi! Tổ quốc có còn không? Chính nghĩa có còn không? Sao lại sụp đổ như vậy? Tôi là đứa con gái ghét nhất là chính trị nên chả bao giờ chịu theo dõi và tìm hiểu, vậy mà giờ đây tôi vẫn không cầm được nước mắt khi nhìn thấy quê hương tan tác, màu cờ rũ rưng. Thương cho những người lính miền Nam phải buông súng bắt đấng dĩ vì sự sụp đổ quá bất ngờ của đất nước. Trời ơi! nỗi đau của họ thước nào mà đo cho được? Rồi đây liệu họ có tránh được sự trả thù của tập đoàn cộng sản Bắc Việt không?

Sở tôi nằm trên đường Ngô Đức Kế, quận nhất, tên là “Trung tâm điện biến dữ kiện” (TTĐBK). Thật là tức cười và tiểu lâm vô cùng, trong khi nhân viên hầu như kẹt lại toàn bộ thì ông Tổng giám đốc của chúng tôi và chị lao công lại thoát được. Chị lao công ngoài giờ làm cho sở chúng tôi ra lại còn có nghề làm bánh ngọt cho một công ty Mỹ nào đó, có lẽ vì vậy mà chị được Mỹ cho đi chẳng? Còn ông Tổng giám đốc thì chúng tôi không biết ổng “dợt” bằng cách nào? Cũng có thể ổng quen lớn thì thiếu gì đường đi. Chúng tôi gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi, tuy chỉ mới cách nhau có mấy ngày mà cảm tưởng như đã từng bị cách xa nhau từ kiếp nào. Miệng không nói ra nhưng nhìn ánh mắt người nào người nấy, chúng tôi thương cảm vô cùng, mình là “phe ta” mà ỉ! Tên cán bộ tiếp thu trung tâm của chúng tôi, gọi cán bộ cho oai chứ thực ra chỉ là

một tên ngố từ rừng về thành phố. Mặt mày xanh lét, mặc bộ đồ kaki màu lá rừng bám đầy bụi đất, chân mang dép râu, lấm la lấm lét, rụt rè đi vào sở tôi lí nhí hỏi có ai chạy theo “Mỹ ngụy” không? Chúng tôi cũng thật tình trả lời là có hai người “đánh” Mỹ quá đà đuổi theo ra đến tận hải phận quốc tế rồi luôn xuống hạm đội “bị” Mỹ bắt đi rồi. Đó là Tổng giám đốc của trung tâm và một chị lao công. Tên cán ngố chả biết học hành đến đâu mà cũng biết dương cặp mắt vàng ửng màu sốt rét rừng ra ngạc nhiên hỏi: “Tại sao lạ vậy? Tại sao ông Giám Đốc mà lại đi với bà lao công?”. Chúng tôi chả ai buồn trả lời, hỏi chi mà “lạ” rứa? ngu thấy mẹ! chẳng lẽ “nó” nghĩ ông Giám Đốc “bồ” với bà lao công chắc? Đời nào, ông Giám Đốc thì bảnh bao, còn trẻ, đẹp trai mà bà lao công thì nhà quê, già chát, chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi! Tôi nghĩ thầm trong bụng: họ đi được bằng cách nào can chi mà “cán ngố” thối mấc, nếu không vì lão cáo già họ Hồ nhà các người thì làm gì có cảnh nước mất nhà tan, gia đình ly tán như thế này? (xin lỗi vì ức quá nên phát ngôn hơi hỗn).

Ngày... tháng... năm 1975.

Buổi tối bật tivi lên coi, tôi buồn muốn khóc. Trời ơi! miền Nam Việt Nam của tôi ơi sao giờ xa lạ với những con người phục sức xưa như trái đất. Con mẹ kia! Con mẹ đang đọc tin tức “nhảm nhí” kia! Mẹ đọc tin tức cho dân nghe chứ có phải mẹ xung phong ra trận đâu mà sao tiếng nói mẹ kinh thế? Tuy là đàn bà, tóc đã được chải bởi gọng ghê, chẻ lệch hất sang một bên và “búi tóc” xề xề bỏ lửng đằng sau lưng kiểu phụ nữ Hà Nội 54 ngày xưa, mặc áo dài trắng cổ cao cũng xưa lác thời 54, vẫn không dấu được nét khắc khổ, lạnh lùng đầy sát khí với một giọng đọc the thé bằng tiếng miền Nam nhưng sao chẳng ngọt lịm một chút nào hết mà nghe ê cả răng, lạnh cả mình. Thì ra “giải phóng” là như thế đó! Là biến đổi

con người thành khô khan tàn nhẫn, ngay cả tiếng nói cũng bị ảnh hưởng, là giậm chân tại chỗ rồi đi giậm lùi. Bao nhiêu năm cầm quyền miền Bắc, cộng sản chẳng mang cơm no áo ấm lại cho toàn dân mà đã dẫn dắt cả nước đi lần về thời đồ đá, ăn lông ở lỗ. Bố tôi nói Hà Nội 54 như thế nào, và dân chúng ăn mặc ra sao thì bây giờ xem tivi thấy vẫn y vậy, mà có phần còn nghèo nàn xơ xác hơn xưa vì chả có tu sửa gì cả.

Ngày... tháng... năm 1975.

Hôm nay là cuối tuần đầu tiên sau ngày “giải phóng” cho nên vẫn còn hỗn quân hỗn quan lắm! ngoài đường hình như xe cộ đông hơn, ông đi qua bà đi lại như nêm. Tôi xách cái chổi tre mở cửa định quét phía trước mặt tiền nhà tôi cho sạch một chút, nhìn lên phía đầu cổng cư xá, hình như ai giống anh H (người “tình” tìm được giữa chốn IBM ngày xưa mà bây giờ đã thuộc về người đàn bà khác) đang đạp xe đi về hướng nhà tôi. Tôi chống chổi đứng ngó lên chờ đợi, khi tầm nhìn đã được rõ ràng là anh đang đạp xe đi về hướng tôi. Tôi thật như người nằm mơ, lòng tôi rộn ràng vui sướng nhưng ánh mắt không dám biểu lộ vì bây giờ đã khác xưa, anh không phải là của tôi. Lòng tôi vui sướng, cảm động thì đúng hơn bởi gặp lại được một người bạn của “chế độ cũ”, dù gì cũng được thông cảm và an tâm hơn chứ thực tình lúc đó tôi không có ý tưởng gì khác.

H chắc có lẽ cũng vui mừng khi gặp lại tôi (chả biết có đúng không?) tôi thấy anh cười tươi rói dắt chiếc xe đạp vào trong sân nhà tôi, tôi theo sau lưng anh hỏi:

- Ủa! sao còn ở đây? Tưởng IBM rước mấy anh đi hết rồi chứ? Bà xã anh đâu? Sao đi một mình vậy?

H dựng xe đạp xong, vừa cười vừa khoát tay nói:

- Bà đi rồi.

Tôi cười nghĩ anh nói đùa nên cũng láu táu:

- Vào đây! Vào đây! Vào nhà kể chuyện cho G nghe, rầu quá anh H ơi!

H theo tôi vào nhà, cả nhà tôi đổ xô ra vây lấy anh. Mừng cũng có mà ngạc nhiên cũng có, mỗi người mỗi câu khiến H không làm sao mà trả lời kịp. Sau khi đã thỏa mãn tò mò lý do tại sao H bị kẹt lại, mọi người rút vào nhà trong hết chỉ còn mình tôi với H nơi phòng khách. H nhìn tôi nói nhỏ:

- Ê! Nói thật nhé! Bà xã anh đi thật rồi chứ không phải nói giỡn đâu. Trong khi anh chạy đi tìm đường thì ở bên nhà vợ anh có đường đây nên bà theo ông già vợ đi rồi. Bây giờ nhà chỉ còn một mình anh ở.

Tôi chưng hửng không biết nên buồn hay vui giùm cho H. Gia đình cha mẹ H cũng đi, gia đình vợ H cũng đi mà chỉ một mình anh kẹt lại thì quả số anh là số... “nghèo” thật rồi (sống với cộng sản thì nghèo là cái chắc). Thật là một cuộc bể dâu, một sự đổi đời quá lớn làm chia cách không biết bao nhiêu gia đình mà còn làm xáo trộn cả nếp sống sinh hoạt của toàn dân miền Nam không biết rồi đây sẽ ra sao?

Ngày... tháng... năm 1975.

Những chuỗi ngày sau này tôi không còn biết đến ngày tháng năm là gì nữa.

Ngày nào cũng đến sở trình diện học tập chính trị (là môn tôi ghét nhất). Họ gọi chúng tôi là “chuyên viên kỹ thuật”, máy IBM là tài sản của nhà nước. Bốn phận của chúng tôi là phải “bảo quản” làm tốt tài sản của nhà nước. Nào phải họ tử tế gì đâu, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chắc chả bao giờ thấy được cái máy IBM, cho nên khi vào Nam vợ được mấy cái máy IBM mất cứ sáng rực lên mà “đếch” biết sử dụng nên bắt buộc phải giữ toàn bộ chúng tôi lại để truyền nghề cho họ chứ tốt lành gì. Mà họ “kinh” lắm cơ! Vắt chanh bỏ vỏ như chơi, sau này tôi mới biết tên cán bộ đầu tiên tiếp thu sở tôi chỉ là một tên ở rừng của “mặt trận giải phóng miền Nam”, được xài tạm vì

“chiến thắng” quá bất ngờ ăn bọn họ trở tay không kịp. Sau này họ cử dân “chính quy” từ miền Bắc vào, thế là tên “cán cố” bị ra rìa. Buổi học tập nào cũng khô khan và căng thẳng, họ đọc thao thao bất tuyệt như con vẹt những chủ nghĩa ngoại lai của “Các Mác, Lê Nin” gì đó bằng một cái giọng nghe thấy ghét. Tôi chẳng buồn nghe nên kiếm một chỗ ngồi khuất ở cuối dãy trong góc kẹt để lờ có ngu gục họ không nhìn thấy.

Ngày... tháng... năm 1975.

Một ngày như mọi ngày lại bắt đầu, tôi ớn ớn mà không biết phải làm sao, mấy ngày hôm nay tinh thần tôi xuống dốc thậm tệ, tôi đã bắt đầu ho húng hắng và lúc nào cũng cảm thấy ớn lạnh. Sở tôi bắt đầu có những tên nằm vùng đi tố cáo lập công: chị này có chồng đi Mỹ không khai, anh kia có con là “lính nguy”... v...v... họ gọi chúng tôi là “nguy quyền” mà đã là “Mỹ nguy” thì chỉ có khuyết điểm chứ làm gì có ưu điểm mà rút, về viết lại bài kiểm thảo, nhận lỗi và sửa sai. Rồi họ bắt chúng tôi tự ngồi lại thảo luận với nhau để tự giác tìm ra lỗi mình mà sửa sai, nghĩa là chỉ có “phe ta” với nhau chứ không có họ, trong phe ta có một tên nằm vùng muốn lấy điểm đã hỏi một câu trước mặt cán bộ như thế này nghe có tức không cơ chứ lị:

- Mấy anh, mấy chị thấy chúng ta có thể “học tập” để được “cải tạo” trở thành một con người mới của cách mạng được không?

Mọi người trả lời lấp lửng xuôi theo thời thế:

- Được chứ! nếu chúng ta thấy điều đó (điều đó là điều gì bố ai mà biết được, họ muốn hiểu sao thì hiểu) là sai thì chúng ta phải cố gắng học tập cho tốt để sửa lại cho đúng.

Thế mà hần đã lắc đầu trề môi nói một câu nghe rất là lộn tiết:

- Tôi thấy khó lắm! Vì mình đã sống quen mấy chục năm trong miền Nam từ nhỏ tới lớn rồi làm sao mà tẩy ỉn được.

Mọi người nhao nhao tức giận:

- Nếu anh không làm được thì chính anh là kẻ “ngoan cố” chứ không phải chúng tôi.

Và rồi hẳn là kẻ bị sa thải ngay đợt đầu tiên chung với một số anh chị Trưởng ca, Chánh sự vụ và vợ cấp tá trở lên. Những người kia tôi thật sự thương và buồn cho họ, riêng hẳn tôi không tiếc một chút nào hết, một kẻ xu thời nịnh hương.

Ngày... tháng... năm 1975.

Ngày hôm nay một chị “bộ đội cái” giảng cho chúng tôi nghe về nguồn gốc của loài người. Chị ta nói loài người trước kia là loài khỉ, nhờ được học tập văn minh lâu ngày cho nên được “cải tạo” trở thành loài người giống như bây giờ. Nghe xong tôi tức mình gơ tay lên vờ ngâm thơ phát biểu một câu thật là ngu ngơ:

- Thưa cán ngũ ủa quên cán bộ (lúc này tôi hay “ủa quên” lắm!) ở ngoài lề đường Hàm Nghi họ bán rất nhiều khỉ con thiệt là dễ thương, em có thể mua về một con để dạy dỗ “cải tạo” nó trở thành con người được không ạ?

Mụ “cán ngũ” liếc tôi bằng con mắt lạnh lùng trả lời:

- Không phải loài khỉ nào cũng có thể trở thành con người được cả, phải khôn ngoan và văn minh gần như loài người mới trở thành người được.

Tôi tức mình nghĩ thầm trong bụng: thế thì chắc mấy anh cán ngũ và mấy chị bộ đội “cái” người cứ tròn tròn trọc, chân tay cục mịch, thắt cái đuôi sam tròn ten đàng sau lưng như cái đuôi khỉ kia đích thị là khỉ lên làm người rồi.

Buổi chiều, sau giờ cơm trưa chúng tôi lại ngồi thảo luận với nhau, sau đó viết tờ tự kiểm để trưởng nhóm đem nộp. Lúc này tôi thì mạng cùi rồi chả còn biết sợ là gì, tôi viết tờ tự kiểm như sau:

Tôi rất căm thù “Mỹ nguy”, vì khi bị chúng “kềm kẹp” tôi đứng rất vững, bây giờ “giải phóng” rồi, Mỹ “cút” nguy “nhào” (tiếng của bọn cộng sản) sao chân tôi lỏng lẻo, bao tử đói

đứng không vững. Còn về tinh thần giúp đỡ mọi người như cách mạng dạy thì tôi thật là ích kỷ, cái gì tôi cũng nghĩ đến thân tôi trước. Một khi tôi có được ấm no, dư dật rồi tôi mới nghĩ đến người khác...vv... Các bạn tôi đọc cười quá trời nhưng bác trưởng nhóm già không chịu, bác kêu riêng tôi lên khuyên bảo:

- Cô hãy suy nghĩ cho kỹ, viết như vậy được cái gì? Hả giận à? Hay chước họa vào thân? Thời thế thế thời phải thế, mình làm được cái gì bây giờ? Cô hãy về viết lại cái khác, đừng làm khó tôi tội nghiệp, tôi cũng như cô mà thôi.

Tôi nhìn bác trưởng nhóm già tội nghiệp nên nhận lại tờ tự kiểm nhưng không viết lại tờ khác, chẳng phải tôi cố tình trút giận hay khó dễ gì bác mà vì thiệt tình tôi không biết mình mang tội gì để mà nhận lỗi với sửa sai?

Ngày... tháng... năm 1975.

Hôm nay Chúa Nhật tôi không đi đâu hết, tôi buồn và ho nhiều nhưng vẫn không uống thuốc vì tưởng ho bình thường vài ngày là khỏi thôi. Buổi sáng tôi khạc đờm thấy có lợn cợn máu. Kỳ lạ, cứ ban ngày thì không sao nhưng đêm đến đi ngủ thì tôi ho đến rách cả cổ họng, có lẽ tại vậy nên cổ họng tôi bị chảy máu chẳng? Tôi ngủ không được vì buồn và lo nghĩ lung tung nên ban ngày tôi rất mệt, lúc nào cũng khoác cái áo lạnh đen ngồi lù lù một đống nơi phòng khách. Hết ngồi lại lên lầu nằm, mà nằm xuống nào tôi có ngủ được đâu, lại gác tay lên trán, lại suy nghĩ. Trời ơi! Nếu cứ kéo dài như vậy hoài chắc tôi chết mất. Tôi toan tính đến việc tìm mua thuốc trụ sinh uống nhưng chưa biết phải mua ở đâu vì từ hôm cộng sản chiếm miền Nam đến bây giờ cái gì cũng xáo trộn hết. Tiệm thuốc tây đóng cửa chờ “lệnh mới”, thời rất may bạn của chị nhỏ tôi, là dân học Trưng Vương ngày xưa và đang học luật. “Giải phóng” vào chị đi bán thuốc tây chợ trời lo cho gia đình, ghé nhà tôi chơi thường. Thấy tôi ho hoài không hết chị “kê

toa” và bán luôn cho tôi năm ngày trụ sinh, uống thuốc rồi tôi lại lên lầu nằm vắt tay lên trán suy nghĩ.

Một giờ trưa, tôi đang ngồi buồn thiu ở phòng khách thì H đến chơi. Tuần nào H cũng ghé nhà thăm tôi và rủ tôi đi chơi cho dzui nhưng tôi đang “chán đời” muốn chết nên từ chối. Tuần này cũng vậy, H rủ tôi đi xi nê, tôi vẫn ngồi một đống, khoác chiếc áo lạnh đen, mặt mày râu rí lắc đầu từ chối:

- Xi nê Việt cộng chán chết! Coi cái gì?

H nhìn tôi một lúc rồi ân cần nhỏ nhẹ nói:

- Anh nghĩ là G nên đi ra ngoài thay đổi không khí cho nó khỏe, không cứ gì phải đi với anh, đi với bạn b hay với chị em trong nhà cũng được, không nên ngồi một chỗ mà nghiền ngẫm như vậy có hại cho sức khỏe.

Tôi trả lời như cái máy:

- Đi đâu bây giờ?

- Đi đâu cũng được, miễn là đi ra ngoài, xem xi nê chẳng hạn, xem cho biết xi nê của xã hội chủ nghĩa, chứ ngồi một chỗ mà suy nghĩ, chết được đấy!

Tôi suy nghĩ một lát rồi nhận lời H đi xi nê, chúng tôi đón xe buýt đến chợ cũ rồi leo xuống đi bộ dọc theo đại lộ Nguyễn Huệ để đến rạp xi nê. H cho tôi biết cuộc sống của anh bây giờ là vô gia cư chỉ còn nghề nghiệp mà thôi! Nhà cha mẹ của anh ở Thủ Đức đã bị “cách mạng” tịch thu vì gia chủ chạy theo “đế quốc Mỹ”, nhà bên vợ của anh bọn họ cũng vừa “quản lý” nốt. Anh ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng và một chiếc xe đạp “mi ni” làm chân chạy đi làm, nhưng cũng bị kẻ trộm lấy mất khi anh dựng xe ở lề đường chợ trời mả mè lưa mấy cuốn sách nhạc “Classic” đang đổ đống bên vỉa hè bán đồ bán tháo. Tôi nhìn anh ái ngại:

- Rồi bây giờ anh ở đâu?

- Thì anh về Thủ Đức ở chung với thằng em trai, cái nhà mà trước kia “chính phủ” đã cấp cho anh ở làng phước binh Thủ Đức đi! Sáng

chịu khó dậy sớm ra đón xe lam đi làm được lúc nào thì hay lúc nấy. Tôi được biết thêm em Thập Lục là tên đứa em trai của H, sáng mồng một tháng năm cũng theo bạn rời nhà đi xuống miền Tây, còn H thì ra Vũng Tàu để tìm đường đi, nhưng chỗ nào cũng toàn là “nón cối” cho nên cả hai đành phải quay về. Trong khi cả gia đình H ở yên một chỗ thì lại thoát được nhờ người anh thứ tư của H bắt được tin một chiếc tàu sắp sửa nhỏ neo tại bến Phạm Thế Hiển. Rất may H còn một căn nhà ở làng phước binh Thủ Đức do chính phủ cũ cấp vì anh là phước binh, giấy tờ còn đầy đủ cho nên hai anh em tạm về đó tá túc qua ngày. Căn nhà đó tôi biết, ngày xưa khi mới quen nhau, có một lần vì chiều tôi, H đã mặc đồ Biệt động quân, đội mũ nâu, cổ đeo hai mai vàng đến nhà thăm tôi vào chiều thứ bảy. Tôi rất thích H mặc đồ nhà binh, tôi yêu những màu áo trận của quân lực Việt Nam Cộng hoà, mặc đồ nỉ binh mặt anh “ngầu” dễ sợ. Lúc đó, tuy đã làm cho công ty IBM nhưng vì giấy tờ giải ngũ chưa xong nên H vẫn còn mặc đồ nhà binh được, (anh bị thương ở vùng một, gãy một giò) may mà chưa bị mang chân gỗ, nhưng hai chân chênh nhau đến 7cm cho nên cũng khó mà mua giày, phải đóng một chiếc thấp chiếc cao và anh đã được chính phủ Việt Nam Cộng Hoà cấp cho một căn nhà ở làng phước binh Thủ Đức là vậy. H đã từng đưa tôi đến đó xem và “gạ” tôi hỏi có mua không? H bán cho. Tôi tưởng H nói thật nên cũng thành thật trả lời:

- G làm gì có tiền để mua? Mà khi không mua nhà làm gì? Nhưng anh TR( anh rể lớn của tôi) có ý định mua nhà ở Thủ Đức, để G về hỏi xem anh ấy có muốn mua nhà của anh không...

H lắc đầu ngắt lời tôi:

- Anh chỉ bán cho G, với điều kiện phải để tên anh là gia chủ mới được.

Nghe anh nói tôi cứ thắc mắc mãi trong lòng không biết có phải anh đang “tán” tôi đó không? Rồi sau đó vì “ngu” và tự ái dỏm tôi

đã vô tình đẩy anh vào vòng tay người đàn bà khác. Nếu không có ngày 30 tháng 4 xảy ra, chắc có lẽ chả bao giờ chúng tôi gặp lại nhau. Buổi xi nê ngày hôm đó là khởi đầu cho tình yêu sống lại trong tôi ...

Ngày... tháng... năm 1975.

Bọn Việt cộng đổi tiền liên miên, tôi không nhớ họ đổi đến bao nhiêu lần, chỉ biết cuối cùng lương H là 80 đồng một tháng, còn tôi 30 và mỗi gia đình chỉ đổi được 200 đồng mà thôi! Tội nghiệp bố tôi cứ cầm 200 đồng mà ngẩn ngẩn ngơ ngơ lăm lăm: “không biết ăn hết 200 đồng này rồi thì đào đâu ra tiền để mà sống đây?” Tôi lúc đó đã bắt đầu đỏ da thắm thit trở lại sau khi trị dứt cơn ho ra máu (không phải bệnh phổi, bác sĩ bảo tôi bị ảnh hưởng vì suy nhược thần kinh quá độ). Nhờ vào tình yêu của H, tôi đã từ từ đứng vững trở lại, biết bình tĩnh suy nghĩ chín chắn hơn chứ không đến nỗi cầm 200 đồng mủ mếu máo như bố tôi. Đầu óc tôi lúc nào cũng vang lên câu tự nhủ: “bình tĩnh! bình tĩnh! sống thì khó chứ chết thì dễ ợt...” nhưng đầu đến nỗi, vì tôi đã có H, bất cứ chuyện gì tôi cũng chạy đi hỏi anh. Anh ân cần nhỏ nhẹ, chỉ bảo và giải quyết, cho nên cứ có anh bên cạnh là tôi lại yên tâm “ngủ vùi” trong tình yêu của H. Một người bạn IBM của anh đã gọi tôi là “con mèo nhỏ” của anh H khi thấy tôi lúc nào cũng núp sau lưng H dụi dụi cái đầu chứ không dám nói chuyện...

Ngày... tháng... năm 1976.

Nhờ được công là “chuyên viên kỹ thuật” của nhà nước nên tôi và H còn có công ăn việc làm sống lây lất qua ngày. Tôi dù sao cũng còn dựa vào bố mẹ nên còn có được mái ấm gia đình, còn H chỉ có một căn nhà trống rỗng ở làng phước bình Thủ Đức. Căn nhà này trước kia gia đình H dùng làm nhà kho chứa đồ chứ không phải để ở, cho nên khi căn nhà chính do bố mẹ H đứng tên bị “cách mạng” tịch thu thì căn nhà này không còn một thứ gì để có thể dùng được ngoài một cái bếp lò để

đun than đặt chõng chơ trên bàn bếp. Không hiểu anh lượm đâu được một cánh cửa ra vào bằng gỗ, bần thủ phủ bằng một tấm bảng đen của trường học để nằm cho đỡ đau lưng, kê hồng lên khỏi mặt đất bằng mấy cục gạch làm cái giường ngủ đỡ phải nằm đất. Thời gian sau này, sinh hoạt của H càng ngày càng tẻ, vì nhà không có chén đĩa nổi niều soong chảo để nấu nướng gì cả cho nên anh cứ mì vụn (được mì gói đã phức) anh nhai rồi nuốt cho qua bữa, xong anh kê miệng vào vòi “phòng tên” nước tu ừng ực một hơi rồi đi ngủ, kéo dài từ ngày này qua ngày nọ. Do vì không đủ dinh dưỡng nên H bị sụt ký thấy rõ, trông H buộc nhúm nhó nơi thắt lưng quần tôi vừa thương vừa buồn cười. Có lần tôi bắt gặp anh ngồi nghỉ trưa trước cửa IBM, tháo đôi giầy mang nơi chân ra ngồi bóp lấy bóp để. H tâm sự là làm gì có tiền để mà mua dép khác, đôi giầy này của người em trai thứ Chín bỏ lại, anh mang đỡ đi làm. Vì giầy nhỏ hơn một số cho nên chân anh bị sưng tím hết, phải tháo ra cho máu lưu thông đỡ bị nhức. Tôi nghe nói mà xót xa thương anh ngập lòng.

Phần tôi, tuy vẫn được cơm nóng gạo trắng vì còn ở với cha mẹ, bất quá chỉ dám mời anh bữa cơm thôi chứ đâu dám ngửa tay xin tiền bố mẹ để bù đắp cho anh. Nào ai biết được sau này nhà nào có thân nhân đi Mỹ nhà đó mới giàu, còn bây giờ thì dấu thấy mồ tở đâu dám khai. May mắn thay lúc đó lại nổi lên phong trào móc áo “sú chiêng” bằng chỉ rất thịnh hành, tôi được cái khéo tay nên móc cái nào ra là bán hết cái nấy. Mấy cái sạp bán “sú chiêng” ngoài chợ giành nhau lấy hàng của tôi, do đó tôi đành dùm được một số tiền, việc đầu tiên là mua ngay cho H một đôi dép bata rồi lại phải đi tìm mấy ông thợ sửa giầy để độn đế bên trái vì chân trái của anh bị thương ngắn mất 7cm để H thay cho đôi giầy khỏi bị đau chân nữa. Sau đó tôi thường theo H về Thủ Đức để giúp anh dọn dẹp lại gọn gàng nhà cửa, mua sắm cho anh đồ

gia dụng nhà bếp và nấu cơm cho hai anh em ăn. Trong lòng tôi thật vui, có cảm tưởng như mình là vợ anh vậy.

Ngày... tháng... năm 1976.

Từ ngày cộng sản lên nắm chính quyền, đất nước ngày một khó khăn hơn, chẳng ai có xăng nhớt đâu mà chạy xe gắn máy, cho dù nhà nước có bán xăng đi nữa thì với đồng lương chết đói đâu ai dám chơi sang chạy xe gắn máy đi làm. Phương tiện duy nhất lúc bấy giờ chỉ là xe đạp mà thôi! Mà H thì ngày nào cũng phải đạp từ Thủ Đức về Sài Gòn làm việc rồi lại đạp trở lại Thủ Đức, đến sức voi cũng ngã chứ đừng nói sức người. Xe lam, xe buýt thì vô chừng, mà có đi chẳng nữa cũng không tài nào leo lên nổi bởi dân chúng đu theo xe chẳng khác gì như lúc giành nhau leo lên tàu di tản vậy. Cho nên chỉ một thời gian sau H đành phải bỏ nhà về SG ở ké nhà một người bạn làm chung cơ quan để đi làm cho tiện. IBM cộng sản vì muốn lấy lòng H (lúc này cộng sản “cứng” mấy ông IBM cũ lắm!) Nếu không có những người như H thì lấy ai sửa máy cho họ? Không cứng làm sao được. Vì muốn cho anh được yên tâm làm việc, họ đã cấp cho H một căn phòng nhỏ ngay tại cơ quan IBM để ở và cho luôn em trai anh vào làm việc chung. sau đó H nhận được tin người anh thứ Sáu đã được vinh thăng cố Thiếu Tá nhẩy dù tử trận trong vụ hạ Lào năm 1971 còn chưa chết, chỉ bị cộng sản bắt làm tù binh nay sắp được thả về....

... Sáu tháng sau anh được thả về thật, nhưng IBM không cho anh ở lâu dài tại căn phòng dành cho H nên anh phải về tá túc đờ với người cậu ruột ở Tân Định. Thế là trên vai H bây giờ có tới hai trách nhiệm: một với người em trai kẹt lại hôm 30 tháng 4 ở miền Tây trở về nay đang làm chung IBM với H. Một với người anh trai vừa trở về từ cõi chết.

Những trang nhật ký đến đây thưa dần, thời gian sau này tôi dành trọn cho tình yêu

với H. nên không còn thì giờ ngồi “suy gẫm cuộc đời” nữa. Gia đình tôi đã bắt đầu “phấn chấn” trở lại nhờ có “viện trợ” nước ngoài nhưng mấy anh em H thì vẫn nghèo xơ xác bởi gia đình H ở nước ngoài sợ liên lụy đến các con còn kẹt lại nên không dám liên lạc, chỉ thỉnh thoảng lăm người anh “trở về từ cõi chết” mới dám liên lạc với gia đình qua trung gian một người anh thứ Ba đi du học đã lâu ở Canada để xin tiền sinh sống. Coi như cuộc sống hai đứa (tôi và H) tạm ổn định, H ở SG tôi cũng ở SG, đờ phải vất vả, bôn ba lên xuống Thủ Đức tìm nhau, tôi vẫn là “công nhân viên” nhà nước, những sinh hoạt ở cơ quan làm tôi bực mình, tuy không còn ác cảm với các chị “cán bộ” ngoài Bắc bởi tôi nghĩ, họ cũng chỉ là con cháu những người dân kẹt lại ở ngoài Bắc năm 54 cũng giống như mình kẹt lại ở miền Nam năm 75 vậy. Mai sau nếu những người bên Mỹ về được, cũng sẽ “ngó” mình dưới con mắt giống như bây giờ mình “nhìn” họ vậy. Có cảm thù là cảm thù bè lũ cộng sản, tập đoàn của Hồ cáo già kia. Biết vậy mà sao tôi vẫn thấy tức tức thế nào ấy khi nghe cán bộ “cái” hoặc cán bộ “đực” thuyết giảng chính trị, còn lâu mới “tẩy não” được tôi. Chẳng làm gì được, tôi bất mãn đâm ra phá phách ngầm. Vì còn trong tuổi thanh niên và có lẽ thấy tôi hát “hay” nên họ bắt tôi làm tổ trưởng tổ văn nghệ. Ngày nào cũng phải hướng dẫn nhóm thanh niên “phe ta” tập hát những bài hát nghe thật là “thấy ghét”. Tôi nhớ có một lần, trong ngày kỷ niệm “đại thắng” của họ, họ bắt chúng tôi phải hợp ca một bài hát mà tôi quên tựa rồi, chỉ còn nhớ mang máng trong đó có những câu như:

Kết, kết đoàn chúng ta là sức mạnh

Kết, kết đoàn chúng ta là sắt gang

Điệp khúc: Thà chết không lùi bước, thề quyết không hề lui..., (hay cái gì đó mà tôi quên rồi)



Tôi đã hùng hổ chen vào đứng giữa đám bạn thanh niên phe ta (dại gì đứng gần cán bộ) ưỡn ngực há mồm “hét” to:

Kết, kết đoàn chúng ta là sức mạnh.

Kết, kết đoàn chúng ta là sắt gang. Nghe ra cứ tưởng bỏ tôi là một kẻ ngoan ngoãn, biết nghe lời lắm! Đã điều khiển được một đội văn nghệ thanh niên hát nghe thật hùng hồn, nhưng coi dzậy mà hồng phải dzậy à nhe! Đến điệp khúc nghe bỗng cô nương ca nè! Các bạn tôi ai cũng nghiêm chỉnh cất cao giọng:

Thề chết không lùi bước....., tôi cũng cao giọng gào bằng những lời hát đã bị ai đã sửa đi:

“Người chết đi đằng trước, người sống đi đằng sau, bè lũ kéo nhau vừa khóc vừa mếu...” tiếng ca hòa chung ăn khớp với lời nhạc của họ ở xa nghe tưởng không có gì, nhưng đám bạn đứng quanh tôi nghe rõ mồn một. Chúa mẹ ơi! Thế là đám thanh niên “phe ta” ôm bụng cười muốn “vãi đái” nhưng phải ráng kềm không dám lộ liễu vì đang đứng trên sân khấu trước mặt “văn võ bá quan”. Bọn cán bộ ngồi xa tuy không nghe được gì nhưng nhìn thấy nét mặt “không bình thường” của bọn thanh niên “khó dạy” miền Nam của chúng tôi thì cũng đoán biết là tôi đang dở trò nhưng không làm gì được vì thấy tôi vẫn tỉnh bơ ngoan ngoãn đang “ngoạc” mồm hát trước mặt họ kia mà! Ấy vậy, tôi cứ “lựu đạn” phá phách như vậy đó, mà họ chẳng dám sa thải tôi lại còn năn nỉ nữa chớ! Mỗi lần cơ quan bắt đầu tổ chức văn nghệ là chị Ng (một cán bộ ngoài Bắc được cử vào để “quản lý” bọn thanh niên trong miền Nam chúng tôi) chị còn trẻ, lớn hơn tôi độ một hai tuổi, đến bên tôi nhỏ nhe:

- Hôm nay cơ quan mình có cán bộ cao cấp đến “tham quan”, em hát cho đúng đắn chứ đừng có giỡn nhe! Chị năn nỉ em, nếu để “thủ trưởng” nhìn thấy là chị bị kiểm thảo đấy! Ráng giúp chị nhe!

Bây giờ nghĩ lại thấy cũng tội nghiệp chị, mấy “bà nội” cán bộ này về sau bị chúng tôi

“hũ hoá” hết. Đầu tiên là cắt cái đuôi bím tròn ten đằng sau lưng, uốn tóc cao mặc quần ống xòe, ống loa và áo thun hoặc áo kiểu. Dự đám cưới thì tội tôi cho mượn áo dài, tội tôi xúi cái gì cũng làm theo hết, mặt mày hớn hờ lắm. Tội nghiệp! Đàn bà con gái ai không thích đẹp, chỉ tại bọn cộng sản khiến toàn dân miền Bắc đi thụt lùi, vào Nam nhìn thấy cái gì họ cũng mê hết. Không biết đến bao giờ đất nước tôi mới được tự do thật sự đây?

Ba năm sau ngày mất nước, tôi và H chính thức trở thành vợ chồng qua một lễ cưới đơn sơ. Thương nhất là anh Sáu, tên người anh chồng trở về từ cõi chết. Người anh chồng này tôi thương nhất vì đã có một thời gian chia bùi xẻ ngọt với vợ chồng chúng tôi lúc còn nghèo khổ tại VN. Ngay giữa sáng ngày đám cưới tôi, anh chạy đến dúi vào tay H một nắm tiền bảo: “Anh nghĩ H làm đám cưới chắc cần tiền, anh mới xin được bên nhà, H cầm lấy mà tiêu dùng”. Tôi nghĩ mình thật là có phước khi “lọt” được vào gia đình chàng, anh em họ thương yêu và lo lắng cho nhau như thủ túc. Nhưng số tiền đó chúng tôi không dùng đến, vì tôi đã tự lo lấy được bằng tiền “móc” áo “sú chiêng” của tôi rồi, số tiền này chúng tôi cho vào “quỷ” để dành lo chuyện vượt biên cho mấy anh em. Sau này vì muốn gom chung lại một mối để lo chuyện vượt biên cho gọn. Năm 1980 anh Sáu và em Thập Lục dọn về ở hẳn tại nhà tôi, thời gian này anh chồng, chị dâu và em chồng sống rất thuận thảo và vui vẻ. Lúc này sự liên lạc giữa người trong nước và thân nhân nước ngoài đã bớt khó khăn, gia đình H đã “mua” được 4 chỗ vượt biên bán chính thức cho chúng tôi, vì không có vàng trong tay mà chỉ trả ở bên Mỹ sau khi người nhà vượt thoát cho nên chúng tôi bị mất ưu tiên. Sau vài lần gạ qua lọc lại rồi đình luôn không tổ chức nữa, thế là một lần nữa chúng tôi bị kẹt lại. Đầu năm 1981, anh Sáu và em Thập Lục thoát khỏi VN bằng đường biển do một người bạn

của chồng tôi tổ chức, sợ dĩ chúng tôi không dám thắp tùng theo là vì sợ nhỡ đi không lọt, bị bắt cũng còn có H ở ngoài lo chạy gỡ. Người bạn của H sau này vẫn còn tổ chức thêm vài chuyến nữa, nhưng vợ chồng chúng tôi không có số vượt biên nên đi hoài không lọt, Sau đó tôi lại có bầu thằng cháu đầu lòng, chồng tôi sợ nguy hiểm nên quyết định nộp đơn đi chính thức do bố chồng tôi bảo lãnh chứ không vượt biên nữa.

Mười một năm sau ngày cộng sản chiếm đóng miền Nam, vợ chồng tôi và đứa con trai 5 tuổi đặt chân đến đất Mỹ giữa vòng tay mở rộng thương yêu của bố chồng và kế mẫu (má lớn đã mất từ lâu) với sự hân hoan chào đón của đại gia đình anh chị em bên H. Gia đình H có tất cả 24 anh chị em (má lớn 12, mẹ kế 12) nay chỉ còn 17 chưa kể dâu rể và cháu. Ba năm sau bố mẹ và các anh chị em còn lại ở VN của tôi cũng đi đoàn tỵ nạn do anh chị lớn tôi bảo lãnh ở TX. Vui hơn nữa là khi gặp lại chị Cả (người vợ trước của H) nay cũng đã hạnh phúc và yên ấm với một gia đình mới của chị, chị thương và coi tôi như em gái nhất là ba má chị (bố mẹ vợ của H) đã thật tình thương và coi tôi như con gái trong nhà. Bố mẹ tôi đã lần lượt qua đời nên tôi rất cảm động với tình thương ông bà dành cho tôi, và tôi cũng rất thật lòng coi ông bà như là bố mẹ ruột của tôi vậy! Thank you ba má (tôi gọi ông bà là ba má giống như chồng tôi và chị Cả vậy!)

Tôi thầm cảm ơn Trời Phật đã ưu đãi tôi quá nhiều, tôi cảm thấy mình thật là hạnh phúc và đầy đủ, nhưng không phải vì vậy mà tôi hết căm thù cộng sản. Mọi người đọc đến đây chắc nghĩ thầm: con nhỏ này tức cười, nếu không nhờ 30 tháng 4 thì nó làm gì có được tình yêu mà căm với hận? Mọi người lầm, tôi tin tưởng vào duyên số. Nếu thật sự có duyên vợ chồng với nhau thì cho dù không có 30 tháng 4, cái số đưa đẩy rồi tôi với H thế nào cũng phải “trả nợ tình nhau”. Cho nên không vì hạnh phúc riêng tư của

chúng tôi mà tôi phải suy tôn “cách mạng”, phải cảm ơn bọn họ. Cái nhục 30 tháng 4 là cái nhục chung của cả nước, tôi không thể nào quên, lại càng không thể nào đứng đưng được khi thấy đồng bào tôi bị khổ nạn, tổ quốc tôi đi xuống. Đại nạn chung của cả nước, cái nghiệp của nước tôi, tôi chỉ biết dốc một lòng cầu xin mẹ Việt Nam hãy linh thiêng phù hộ cho quê hương tôi sớm được có ngày trời quang mây tạnh. Không còn bóng dáng cộng sản để dân chúng được hưởng thái bình tự do thật sự, xây dựng đất nước tiến lên, bắt kịp đà văn minh của thế giới.

## TÔN NỮ MẶC GIAO (San José)



Muốn có thi phẩm **Giữ Mãi Giùm Anh**,  
xin liên lạc Tác giả  
Uyên Phương Minh Nguyệt:  
ttmn2nguyet@yahoo.com, (469)644-5947.

# Ảnh Trắng Đen

Le Văn Khoa 

Người ta thường tiếc nuối những gì không còn nữa và cảm thấy lo lắng cho những gì sẽ không còn nữa. Ở đây tôi muốn nói đến loại ảnh trắng đen. Theo đà tiến bộ của kỹ thuật tân thời, loại ảnh trắng đen đang lui dần trong bóng tối. Những kỹ thuật tuyệt vời để dùng màu trắng với vô số đọt xám chuyển qua đen, đã được người làm ảnh khéo léo áp dụng cho tác phẩm của để nói lên ý nghĩ của mình, phải chăng rồi sẽ không còn nữa? Không ai còn kiên nhẫn tự giam mình trong phòng tối với các loại hóa chất nhiều tiếng đồng hồ để o bế cho một ảnh đen trắng ưng ý.

Nhưng mà, tại sao người ta gọi đen là màu đen, trắng là màu trắng, nhưng chỉ gọi là ảnh đen trắng? Còn màu xám nữa thì sao? Black and White mà không có danh từ màu đi kèm. Còn loại ảnh thật nhiều màu chỉ được gọi là ảnh màu mà không phân tách, không liệt kê màu gì. Người ta gọi ảnh đen trắng (black and white) theo từ thông dụng, nhưng trong các cuộc thi ảnh người ta dùng từ monochrome (đơn sắc), theo tôi từ này cũng không chính. Nhưng thôi, mọi người quen dùng vậy, ta cũng dùng vậy cho xong.

Với tên “Vào Đời”, tác giả **Ngô, Hồng N.** cho ta một ảnh đẹp, chân dung một em bé da đen rất dễ thương. (Tại sao người ta gọi em bé này là người da màu mà ảnh thì không phải là ảnh



“Vào Đời”, tác giả **Ngô, Hồng N.**



“Trang Trại Vào Thu” của **Đông Phương**

màu?) Hãy nhìn cặp mắt em bé, sáng rực, tinh anh. Tròng trắng của mắt sáng nhờ đối chiếu với da mặt và bối cảnh xám, tạo sự tương phản mạnh. Ảnh có đầy đủ chi tiết đáng khen. Tuy nhiên hai điểm bên hông mũi trái vì bắt ánh đèn quá mạnh nên vô tình làm yếu điểm chính là hai mắt. Nếu tác giả cho phần sáng đó - và phần gò má bớt sáng thì ảnh sẽ giá trị hơn nhiều.

“**Trang Trại Vào Thu**” của **Đông Phương** đưa ta vào một thế giới mộng ảo với sự tương phản giữa trắng và đen không kém ảnh “Vào Đời” bên trên. Dùng kỹ thuật đen trắng, tác giả Đông Phương đã chuyển những cây lá vàng thành trắng,

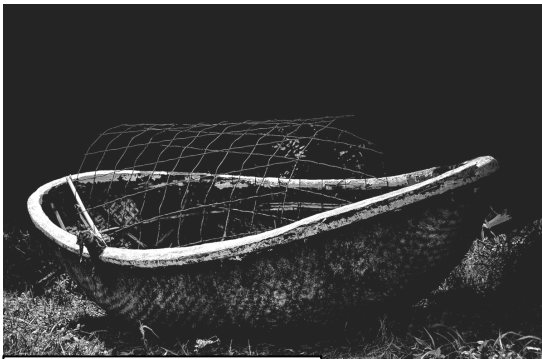
nổi bật trên nền xám sậm đầy đe dọa. Nếu là ảnh màu, ta thấy nét rực rỡ của mùa Thu rất thật, nhưng ở đây ảnh đen trắng, nó biến thành huyền ảo, tôi tin ảnh hấp dẫn hơn ảnh màu.

Thường thường người ta chờ nắng lên để chụp ảnh, nhất là ảnh phong cảnh. Có ánh sáng đầy đủ Màu sắc trong thiên nhiên mới nổi lên hết. Có bóng đổ mới tăng nét bên có nắng v.v. . . Nhưng đâu phải lúc nào trời cũng có nắng, vì như thế ta sẽ chết khô, chết cháy. Chụp ảnh lúc không nắng, sáng sớm, chiều tà hay lúc có sương mù dày, ta sẽ có những ảnh đẹp bất ngờ. Đó là loại ảnh khí quyển (atmospheric), không thường thấy vì ít người chụp và cá nhân ta cũng ít khi chụp loại ảnh này.



Ảnh “**Trong Sương Sớm**” của **Trần, Tuấn A** cho ta hình ảnh mờ nhòe vì sương mù che phủ mọi cảnh vật. Những gì ở gần thì ta thấy rõ hơn vật ở xa hơn, nhưng không thể sắc nét như ảnh chụp cùng cảnh đó khi trời nắng. Sương mù có điều lợi là che mờ hết mọi cảnh vật ở xa có thể là rất luộm thuộm. Nó như bức màn chắn, không cho ta nhìn đến tận chân trời. Nó che hết rác rưởi, giúp cho ảnh sạch hơn. Nó cho ta cảm giác lạnh lạnh, mờ ảo, nhiều suy nghĩ vẫn vơ.

Trong ảnh này ta nhận cách hóa thì thấy

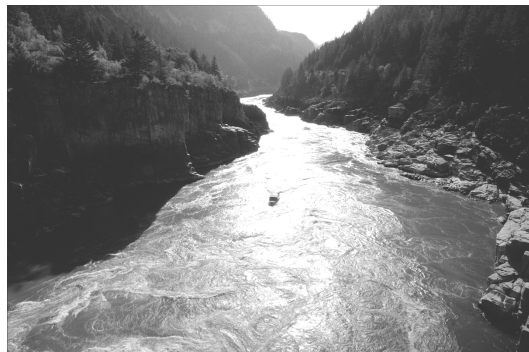


**Abandoning - Vũ, Phú**

đôi vợ chồng già còn bên nhau trong khi đó ở xa xa, đôi uyên ương trẻ sung mãn ngã vào nhau thật tình tứ.

Một chiếc thuyền thúng bị bỏ rơi trên bãi cỏ cũng đủ làm đề tài nhiếp ảnh cho ông Phú. Ta thấy trong khía cạnh nào, trong hoàn cảnh nào cũng có thể chụp ảnh được, mà là ảnh đẹp nữa. Với ảnh này tác giả chia sẻ với ta ảnh chụp khi nắng từ trên cao ụp xuống làm sáng vòng thúng và tác giả dùng viền sáng ấy làm đường bố cục cho ảnh. Ảnh rất đơn sơ nhưng chính sự tương phản giữa trắng và đen làm cho ảnh thành lý thú.

Nói đến sự tương phản giữa trắng và đen, mời bạn xem thêm ảnh “**Ngược Dòng**” của **Trịnh Hạnh**. Sự tương phản gắt này tạo sức mạnh cho ảnh. Nước gặp đá ngầm cuộn cuộn vòng



**Ngược Dòng - Trịnh Hạnh**

lên gây ấn tượng cuồn cuộn làm ta cảm thấy khiếp hãi. Một chiếc thuyền nhỏ chơi vui giữa dòng nước trong cảnh hùng vĩ của thiên nhiên là một tương phản lớn khác. Nắng từ trên cao đổ xuống làm dòng nước ngời sáng. Một chút bầu trời bên trên ảnh dùng làm lỗ thò cho ảnh, nhưng nếu tác giả thui cho sậm lại, hoặc cắt xuống thấp hơn, hoặc cắt bỏ đi luôn, ảnh sẽ cho ta cảm giác hãi khiếp hơn vì con thuyền không lối thoát.

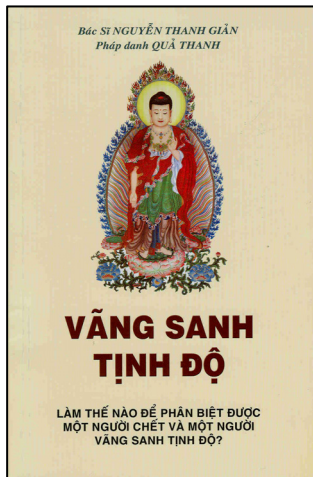
Hôm nay chúng ta đi ngược dòng - như chiếc thuyền con này - là chỉ dùng ảnh trắng đen trong thế giới muôn triệu màu sắc. Ta cô đọng lại chỉ còn đơn sắc, dùng đơn sắc ấy đánh động tâm hồn, khơi nhiều suy tư. Ta đi ngược dòng thời gian, dùng ảnh trắng đen để sống lại trong bối cảnh của một thời đã qua, âu cũng là một việc đáng làm trong thời đại này. Cảm ơn các bạn ảnh Houston.

Le Văn Khoa 

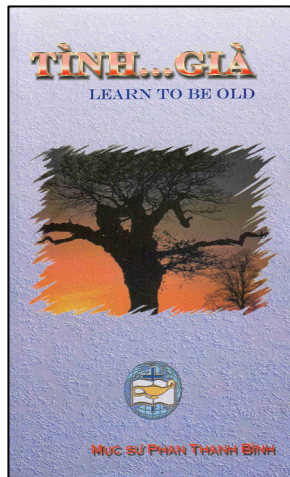
---

## GIỚI THIỆU SÁCH

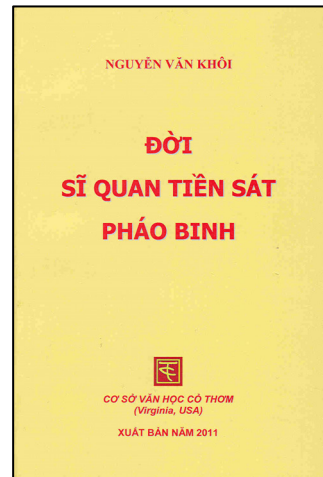
Cảm ơn quý tác giả đã gửi tặng sách và xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.



Liên lạc Tác giả  
**Dr. Nguyễn Thanh Giản**  
2304 Monte Vista Drive  
Pinole, CA 94564  
(510) 758-0346



Liên lạc Tác giả  
**Mục Sư Phan Thanh Bình**  
660 S. Third Street  
El Cajon, CA 92019  
(619) 444-1106



Liên lạc Tác giả  
**Nhà Văn Nguyễn Văn Khôi**  
1212 Connecticut St.  
San Francisco, CA 94107  
(415) 821-0652  
khoivnguyen@yahoo.com



# NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

## ĐIỀU TRẦN CANH TÂN ĐẤT NƯỚC

(1828 – 1871)

### Nguyễn Quý Đại

„Đất nước sơn hà ai đó chủ  
Biết đem tâm sự hỏi trời thôi“

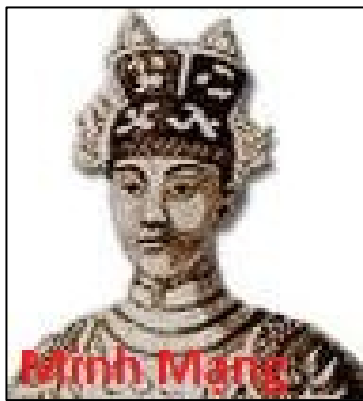
Nguyễn Trường Tộ sinh năm 1828 tại làng Bùi Chu, xã Đoài, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Thân phụ ông Nguyễn Quốc Thư hành nghề Đông y sĩ, xuất thân gia đình ảnh hưởng Nho giáo, theo Thiên Chúa Giáo. Lên mười tuổi thân phụ dạy học chữ Hán cho đến năm 14 tuổi theo học với thầy tú Giai ở Bùi Ngõa, bản chất thông minh xuất chúng, năm 1855 được Giám mục xứ Đoài, người Pháp Gauthier, tên Việt Nam là Ngô Gia Hậu, mời dạy chữ Hán cho các Giáo sĩ và ngược lại ông học tiếng Pháp và La Tinh, ảnh hưởng Văn hóa Tây và Đông Phương. Nguyễn Trường Tộ ảnh hưởng các tư tưởng mới lạ, uyên bác, ông rất tích cực hoạt động có trách nhiệm với Quê hương và một lòng vì Đạo.

Người Việt vốn sống hiền hòa trọng lễ nghĩa, trung dung sinh hoạt về tôn giáo Phật, Lão, Khổng vv... dù khác nhau tôn giáo nhưng

đoàn kết, tín ngưỡng đều được tôn trọng. Giáo sĩ người Bồ Đào Nha (Portugal) vào Việt Nam truyền giáo vào khoảng năm (1522-1533) cho đến năm 1615, Giáo sĩ F. Buzoni (1576-1639) người Tây Ban Nha (Spain) đến Hội An truyền đạo. Trong số này hai Giáo sĩ Francesco de Pina và Alexandre de Rohdes (1593-1660) với sự tiếp tay của người Quảng Nam hình thành chữ Quốc ngữ.

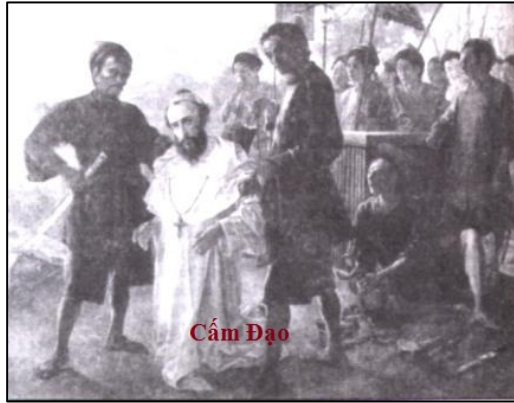


Nguyễn Trường Tộ tin đồ Thiên Chúa Giáo, trưởng thành trong giai đoạn lịch sử bị thực dân Pháp chiếm các nước Đông Dương và Việt Nam. Từ đó triều đình vua quan Việt Nam không thích việc truyền Đạo. Mặc dù có một số Giáo sĩ Thiên Chúa giúp vua Gia Long trong thời gian khôi phục lại sơn hà, đóng góp vào sinh hoạt Văn Hóa Việt Nam. Đào tạo lớp người mới Paulus Huỳnh Tịnh Của, Petrus Trương Vĩnh Ký để lại hơn 100 tác phẩm Văn học biên khảo, có công mang hạt giống, cây, hoa quả lạ như: sầu riêng, măng cụt, măng cầu, lôm chôm từ Pinang Malaysia về trồng tại miền Nam



Lịch sử đổi thay qua nhiều triều đại, từ đời vua Minh Mạng (1820-1840) Tự Đức (1847-1883), Thiệu Trị

(1840-1847) đều nghi ngờ các Giáo sĩ thân Pháp đến truyền giáo tại Việt Nam. Thiên Chúa bị gọi là „tả đạo“ lúc bấy giờ không phải chỉ riêng Vua mà quan lại, sĩ phu ít người hiểu về giáo lý của Thiên Chúa, chỉ thấy việc truyền đạo nhiều điều trái với Nho giáo và phong tục tập quán



Giáo luật Tòa thánh La Mã còn khắc khe trong khuôn khổ, khó phù hợp với xã hội Việt Nam? Nguồn gốc người Việt lâu đời thờ cúng ông bà Tô Tiên, mỗi nhà có bàn thờ tượng trưng như một truyền thống văn hóa của Dân tộc Việt Nam, không ai có quyền cấm. Phật giáo, Nho giáo cũng du nhập từ Trung Hoa, Ấn độ hay Nhật bản nhưng luôn tôn trọng tập tục của người Việt.

„Giáo luật Thiên chúa thời đó ngăn cấm tín đồ thờ cúng tổ tiên, ngày kỵ giỗ tưởng nhớ ông bà hay làm tang lễ cho thân nhân, Giáo dân chỉ xin lễ tại nhà thờ, không được làm lễ tại nhà? Việc thờ cúng tổ tiên là nền tảng truyền thống tinh thần xã hội và triều đình Việt nam. Nên không thể tránh được những mâu thuẫn.“

„Kể từ đầu thập niên 60, Công đồng Vaticanô II Giáo hội Thiên chúa giáo La mã (Roma) mới có những thay đổi để phù hợp với văn hóa các nước trên thế

giới. Riêng tại Việt nam giáo dân có thể thiết lập bàn thờ và tổ chức cúng kỵ ông bà cha mẹ tại nhà“

Triều đình ban hành các Dụ cấm đạo, việc làm hơi „vơ đũa cả nắm“, trong giai đoạn cần phải đoàn kết Lương-Giáo cùng nhau bảo vệ độc lập, không phải ai theo

Đạo đều tiếp tay cho giặc. Giết Giáo dân, trục xuất Giáo sĩ không khác gì đổ dầu thêm vào lửa. Triều đình không thống nhất kế hoạch ổn định nhân tâm, đem lại các giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử. Nhật Bản áp dụng chính sách bế môn năm 1620 vì lo ngại việc truyền đạo vào nước Nhật, nhưng họ sớm canh tân, mở cửa đón nhận văn minh thế giới, đã trở thành cường quốc. Triều đình Việt Nam bế môn toả cảng không bang giao với Tây Phương, bởi vậy không tránh được sai lầm trong chính sách cai trị, vốn từ lâu chịu ảnh hưởng Trung Hoa. Nước Việt Nam đã gần 100 năm làm thuộc địa, kéo dài cuộc chiến khổ đau cho dân tộc..



Quốc gia không được canh tân, chọn người tài đức ra giúp nước, không cải cách sửa đổi sai lầm trong việc cai trị, độc tài, độc đảng đã đưa đất nước đến bên bờ vực thẳm. Dân chủ là môi trường phát sinh ra những tư tưởng mới, khoa học, kỹ thuật phát

triển đưa đời sống nhân dân tiến bộ căn bản gồm: dân sinh, dân quyền và dân trí. Các vua thời phong kiến, không tôn trọng ý kiến của Nguyễn Trường Tộ và những người yêu nước khác, để canh tân đất nước. Thế hệ chúng ta sinh sau Nguyễn Trường Tộ hơn một thế kỷ, có thể rút ra được những bài học từ sự kiện lịch sử đó hay không? Đó là một bài học lịch sử giá trị con cháu chúng ta không thể quên.

Năm 1825 tàu chiến Pháp Theles tới Đà Nẵng. De Bougainville đem thư vua Pháp xin vào yết kiến, vua Minh Mạng không tiếp, sai đem phẩm vật biếu tặng. Năm 1825, Giáo sĩ Roggerot sang xin giảng đạo, trong lúc vua Minh Mạng cấm đạo (dụ cấm đạo lần thứ 1) Năm 1826, Pháp Hoàng sai Chaigneau sang xin đặt lãnh sự, vua Minh Mạng từ chối

Năm 1833 ra dụ cấm đạo lần thứ 2.

Năm 1836 cấm đạo lần thứ 3 từ năm 1834-1838 có 7 Giáo sĩ bị giết

Năm 1838 Vua sai sứ sang Pháp, Hoàng Đế Louis Philippe không tiếp vì Hội Truyền Giáo quốc tế phản đối những dụ cấm đạo tại Việt Nam.

Năm 1847 đại tá Lapiered sang Việt Nam yêu cầu Vua bỏ lệnh cấm đạo 15-04-1847 chiến tranh bắt đầu, vua Thiệu Trị cho giết Giáo dân và Giáo sĩ, trục xuất người Tây phương.

Tháng 7-1858 Rigault de Genouilly đem liên quân Pháp đánh hạ thành An Hải và Điện Hải tại Đà Nẵng

Năm 1859, Pháp đánh chiếm thành Gia Định. Ngày



01.11.1859, ông Page đến xin vua Tự Đức ký Hòa ước ngoại giao, buôn bán và truyền đạo, nhưng các điều kiện trên đều bị từ chối. vua Tự Đức thông minh nhưng nhu nhược, sống đóng khung trong cung, sợ sự chống đối của quan lại, không quyết định được vận mệnh đất nước. Người Pháp lợi dụng việc cấm đạo gây chiến tranh xâm chiếm Việt Nam

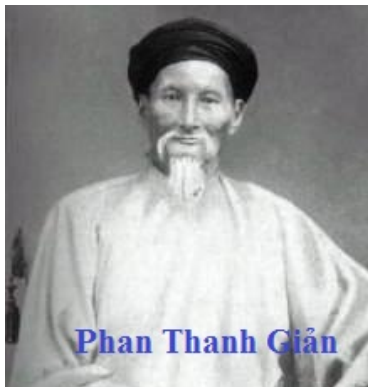
Nguyễn Trường Tộ nhờ Đạo tiên thân, là một công dân Việt Nam tài ba lỗi lạc, nhưng không được triều đình trọng dụng. Khó có cơ hội thăng tiến trong cử nghiệp, có thể lý do ông không tham dự khoa thi năm 1848 (canh tý). Năm 1858 ông theo Giám mục Gauthier vào Đà Nẵng tránh

nạn „*phân pháp*“ đàn áp tôn giáo cấm đạo của Triều đình. Sau đó sang Pháp bằng đường thủy, trong thời gian lưu lại Pháp ông tiếp xúc được văn minh, khoa học kỹ thuật cao.

Ông bỏ nhiều thì giờ đọc sách học hỏi thu thập tinh túy, chọn lọc làm hành trang trở lại quê hương, mong đóng góp được cái hay đẹp, hữu ích canh tân đất nước. Trên đường trở về ông ghé Roma tiếp kiến Đức Giáo Hoàng, sau đó đến Hồng Kông. Về Sài Gòn nhiều đổi thay, Gia Định thành thất thủ tháng 02.1861

bị quân Pháp chiếm đóng. Ông được bổ dụng làm thông ngôn tại Sứ phủ Sài Gòn, dịch các văn bản giấy tờ làm gạch nối giữa triều đình và Pháp.

Năm 1861 ông gởi cho triều đình Huế qua đại thần Nguyễn Bá Nghi, văn bản hòa từ đề nghị triều đình nên hòa với Pháp tránh chiến tranh gây khổ đau cho dân tộc. *“sự thế hiện nay chỉ có*





*hòa, hòa thì trên có thể thuận ý trời dưới dân, có thể làm cho dân khỏi đau khổ, chấm dứt sự dòm ngó của gian nghịch,,*

Năm 1862 Đô đốc Bonard mở rộng cuộc chiến, trước thái độ hung hãn hiếu chiến khát máu. Ông bất mãn không cộng tác, xin thôi việc tại soái phủ Sài Gòn. Nguyễn Trường Tộ tự khép mình trong bốn phạm Đạo và Đời, trách nhiệm cao cả người con của Chúa, và người con của dân tộc Việt Nam. Ông phục vụ cho Giáo hội và nghiên cứu viết những điều trần kế tiếp giá trị, để góp ý trong việc canh tân đất nước, có thể nói Nguyễn Trường Tộ nhà tu, một chính trị gia lỗi lạc. Ông kêu gọi phải chấn chỉnh lại học thuật „*Học tức học cái chưa biết, biết để mà làm, làm tức là làm những công việc thực tế trong nước việc làm hữu dụng đó cho đời sau nữa*“. Trước đó Nguyễn Lộ Trạch viết nhiều điều trần, mong đất nước được canh tân, đến ngày nay chúng ta phải ngưỡng mộ, nhưng triều đình bỏ quên trong ngăn tủ nào đó.

Các điều trần dưới thời phong kiến, như một ánh sáng lóe lên trong đêm tối của lịch sử, mong muốn triều đình thay đổi cách cai trị, mở rộng ngoại giao, tiếp xúc với Tây phương, bỏ lối học từ chương, ngâm thơ vịnh nguyệt. Nên học hỏi văn minh tiên bộ, gởi sinh viên, học sinh ra nước ngoài, học về khoa học kỹ thuật, hy vọng học xong về nước phát triển về kỹ nghệ, nhưng triều đình luôn giữ chính sách bế môn tỏa cảng. Phan Thanh Giản từng than thở khi đi sứ sang Paris về nói chẳng ai nghe.

*Từ ngày đi sứ tới Tây-kinh  
Thấy việc Âu-châu phải giạt mình  
Kêu tình đồng-bang mau kíp bước  
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin*

Nguyễn Trường Tộ giống như Phan Thanh Giản viết lên nỗi lòng:

*- Khi trong nước cái Đạo bị diệt, tôi vượt sông lợi biển để giữ lấy cái chân lý ở nước*  
SỐ 55

*người, trước những người quyền quý, tôi luôn nói thật trọng, làm việc nghĩ trước suy sau nhằm giữ thể diện cho nước mình...Tôi tuy là Giáo, nhưng dòng máu trong tôi vẫn là con Lạc cháu Hồng. Tuy nhà Vua chưa tin tôi, đình thần còn e dè tôi, song ai làm nhục đến các bậc công khanh nước ta, tôi đều biện bác ngay không một chút sợ sệt. (Trang 145 Phan thanh Giản nổi đau trăm năm)\*\*\**

Nguyễn Trường Tộ sinh bất phùng thời. Các triều đại theo truyền thống vua trị vì cha truyền con nối, tiếc thay quan lại trong triều không sáng suốt, cương trực để lắng nghe những điều trần của Nguyễn Trường Tộ, các quan sống bảo thủ yên phận, đôi khi tỏ ra ganh ghét đối với Nguyễn Trường Tộ.

Chúa Giêsu từng phán dạy

*- nếu các ông mù, thì các ông đã chẳng có tội nhưng vì các ông nói „chúng tôi nhìn thấy được“, nên tội các ông vẫn còn đó. (Ga 9, 41)*

Quan lại trong các triều đại Việt Nam không mù, nhưng họ không sáng suốt mở mắt nhìn xa trong việc giúp vua trị nước, để đưa Dân Tộc Việt Nam khỏi cơn nô lệ !! Nguyễn Trường Tộ viết trong di thảo số 27:

*- Phàm kẻ trong thiên hạ là người không phải không có làm lạc ban đầu, mà là người biết thay đổi hành động, biết sửa điều sai thành đúng đắn, không xấu hổ vì phải sửa đổi cái cũ, mà xấu hổ vì không làm được điều gì mới, không nhìn lui dĩ vãng mà chuyên mưu việc tương lai, không nghĩ đến bảo toàn tên tuổi riêng mình mà lo lợi ích chung cho đất nước, thế mới gọi là tri*

Thời gian đó Pháp và Anh đang gặp các việc rắc rối bên Trung Hoa, nên chủ trương của thực dân Pháp muốn trì hoãn, đề nghị ký hoà ước với Việt Nam để đối phó với Tàu.(1) Phó đề đốc Page tiếp tục việc thương thuyết của Rigault de Genouilly. Với nội dung không đòi đất, chỉ đòi binh phí, tự do truyền

giáo, khai thương ba cửa biển và đặt trú sứ ở Huế (Quân sử tập 3 trang 82) Triều đình có hai phe hòa và chiến. Phe chủ chiến nhiều hơn vì lúc nào cũng tự hào, truyền thống đánh đuổi được ngoại xâm. Nhưng họ quên rằng lối chiến tranh cổ điển, bằng gươm giáo, súng điều thương, bắn từng phát đạn không còn thích hợp với cuộc chiến tranh mới.

Đoàn quân viễn chinh Tây Phương được huấn luyện, vũ trang hiện đại với súng đại bác, chiến hạm chạy nhanh trên sông, biển. Nếu so sánh cân bằng, lực lượng quân đội Việt Nam quá lạc hậu và yếu kém, dù có lòng yêu nước với tinh thần chiến đấu cao, không thể đối đầu với đội quân tinh nhuệ của liên quân Tây phương. Đồn Chí Hòa dưới quyền chỉ huy Kinh lược Sĩ Nguyễn Tri Phương, quân số hơn 12.000 quân, không thể chống cự lại với liên quân Pháp, Tây Ban Nha.

Nguyễn Trường Tộ, trong Thiên Hạ Phân Hợp Đại Thế Luận, đối với tình hình thế giới, ông chủ trương nên hòa hơn chiến, lợi dụng kế hòa hoãn để kiện toàn quân đội, canh tân đất nước. Thay đổi chính sách đối ngoại và đối nội, cải cách Văn hóa, Kinh tế, Khoa học, khai mở, mở mang dân trí tiên bộ. Khi đất nước Việt Nam mạnh, phú cường có thể dành lại những gì đã mất. (*từ thời nhi ứng biến*) thật là một diệu kế.

*- Hàn công nói: biết mà không nói là kẻ bất nhân, nói mà không nói hết là kẻ bất nghĩa. Thế cho nên tôi ở chốn giang hồ mà lòng gợi lại lãng miếu. Tôi thật không nỡ nhìn thấy nước nhà đổ nát trăm họ lưu ly, cho nên không xét phạt hèn mọn mà dám phạm vào lỗi nói ngay thẳng. Nếu cho lời tôi là khi trá hoặc là có ai xúi giục thì xin đem biểu này treo ở quốc môn để sau này làm chứng. (Điều trần thời sự)*

Nguyễn Trường Tộ dù được vua Tự Đức mời về Huế tiếp kiến tại nhà Tả Vu, ông đệ trình lên vua văn bản khuyên dùng Giám

mục, Linh mục vào việc canh tân đất nước. Ngày 10.01.1867 vua cử Nguyễn Trường Tộ cùng Giám mục Gauthier, Lm Nguyễn Điều, phó tế Nguyễn Hoàn và Joannes Vĩ và các quan triều đình: Nguyễn Tăng Doãn và Trần Hiếu Đạo, thành phái đoàn ngoại giao đáp tàu L'orne đến Paris cuối tháng 3 năm ấy.

Đến Pháp lần thứ hai, ông có cơ hội đi thăm tiếp xúc với tinh cách ngoại giao. Từ đó ông thấy những việc cần phải làm, đưa đất nước sớm vượt qua cảnh nghèo khổ, lạc hậu và viết điều trần „*Tế cấp bát điều*“ tập dày giá trị bậc nhất trong các điều trần của Nguyễn trường Tộ về văn chương và tư tưởng .

*1/ Sửa sang võ bị*

*2/ Hợp tỉnh huyện giảm quan lại*

*3/ Cải cách tệ lạm để cứu vãn tài chính*

*4/ Chinh đốn học pháp*

*5/ Điều chỉnh thuế ruộng*

*6/ Kinh lý bờ cõi*

*7/ Điều tra dân số*

*8/ Lập Dục anh viện và Tế bản viện*

Về nước ngày 29.02.1868 phái đoàn đến Huế, tường trình kết quả trong việc ngoại giao, Nguyễn Trường Tộ và Giám mục Gauthier được ban thưởng nhiều phẩm vật. Ông về quê nhà giúp xây cất cơ sở nhà Chung xã Đoài, tiếp tục viết nhiều điều trần, triều đình muốn mời ông tiếp tục đi với phái đoàn sang Paris xin giảng hòa, thương nghị về 6 tỉnh miền Tây. Thực dân Pháp chiếm ngày 24.06.1867, Phan Thanh Giản phản đối trong tuyệt vọng kiệt thực và uống thuốc độc qua đời ngày 04.08.1867. Trước tình hình bất lợi Nguyễn trường Tộ viết bản điều trần gửi “*lục bộ đại thần*“ xin bãi bỏ việc cử sứ bộ đi Pháp, ông nêu lý do sau:

*-Xưa nay việc giảng hòa đều ở dưới THÀNH (các trận đánh) chứ không ở Kinh Đô. Ta trong thế yếu, địch chưa gặp khó khăn ... bây giờ chính lúc triều đình nên tính kế lâu*

dài, dần dần nuôi dưỡng sức dân, chinh đốn  
võ bị, mở rộng giao thiệp..

Những Di thảo của Nguyễn Trường Tộ  
viết về nhiều lĩnh vực: khoa học, xã hội, quốc  
phòng, ngoại giao. Ông xứng đáng được coi là  
người kinh bang tế thế, góp những ý tưởng  
khai sinh ra rất nhiều ngành khoa học ở nước  
ta, như Nông nghiệp, Thiên văn, Địa lý, Luật  
học, Ngoại giao, Thương mại, Giáo dục, nhiều  
đề tài khác nhau về quốc kế, dân sinh, kinh tế.  
Cái cách về chương trình học đưa ra đề nghị  
các khoản

- 1/ Đặt khoa nông chính
- 2/ Đặt khoa thiên văn địa lý
- 3/ Đặt khoa cơ xảo
- 4/ Đặt khoa luật pháp

Đề nghị mở khoa nông chính dạy những môn:

- 1/ Thiên văn nông nghiệp
- 2/ Địa lý học nông nghiệp
- 3/ Thực vật học
- 4/ Địa văn khí tượng học
- 5/ Tổ chức nông nghiệp trong nước

Ngoài ra, về Công nghiệp nước Việt Nam  
“*tiền rừng bạc biển*”, đó là những nguồn lợi  
lớn đem lại lợi ích, phú cường cho đất nước,  
phải khai thác với phương pháp khoa học, cần  
máy móc hiện đại, đó về khai thác mỏ  
(khoáng lợi); Hải lợi cá muối; Lâm sản cây  
gỗ, Thổ lợi gai, tơ lụa. Nguyễn Trường Tộ  
trong bản điều trần gửi Tự Đức ngày 10. 04.  
1871, cảnh cáo nguy cơ tham vọng của người  
Trung Hoa trên biển Đông vì quyền lợi kinh  
tế, lúc yếu họ làm giặc cướp biển nhưng đến  
lúc họ mạnh sẽ xâm chiếm bằng vũ lực, nếu  
Việt Nam không có Hải quân hùng mạnh để  
bảo vệ.

“*Mấy năm trở lại đây, sở dĩ nước ta mỗi  
ngày một thêm nhiều nạn cướp biển là vì ở  
Trung Quốc hiện nay ngành mậu dịch mỗi  
ngày một thịnh. Họ đã tạo được nhiều tàu  
tuần dương chạy bằng máy và các tàu buôn,  
tàu nhà binh của phương Tây qua lại đường*

SỐ 55

*biển như mắc cửi. Người Pháp cũng tuần  
hành nghiêm ngặt suốt từ Bình Thuận đến Hà  
Tiên. Do đó thuyền phi khó bề phóng tít  
hoành hành ở hai mặt biển ấy được mà phải  
trốn sang tá túc nơi hải phận nước ta. Nay  
nếu ta mua được năm, sáu chiếc thuyền máy  
chắc chắn, mỗi thuyền có độ mười khẩu đại  
pháo lớn nhỏ. Rồi lại thuê người Anh người  
Pháp mỗi thuyền một người trông nom máy  
móc và bốn người tập bắn, hợp cùng lính của  
ta vừa đi tuần vừa tập luyện dần thành chữ  
nhất đi từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, gặp  
thuyền phi đều bắt hết đưa về xử trí còn  
thuyền thì sung công. Nếu giặc biển dòn tụ  
thành sào huyệt thì thuyền máy của ta hợp lại  
tiêu diệt, giặc sẽ tan vỡ, mất chỗ tụ tập khó  
có thể xâm nhập nội địa được”.*

Điều trần của Nguyễn Trường Tộ, được  
các quan đại thần như Phan Thanh Giản, Trần  
Tiền Thành, Nguyễn Bá Nghi ghi nhận.  
Tuồng trình về triều đình, tiếc thay triều đình  
không ứng dụng vào việc canh tân đất nước.  
Nếu triều đình các vua không bảo thủ, biết  
canh tân đất nước, không cấm đạo mở rộng  
cánh cửa bang giao với thế giới, có thể tránh  
chiến tranh tang tóc và nô lệ! Việt Nam đã  
phát triển có thể không thua gì Nhật Bản hay  
Nam Hàn.

Tháng 7 năm 1864, Nguyễn Trường Tộ  
bị tai nạn té gãy vùng xương chậu trong khi  
xem xây cát Giáo đường, từ đó bị tật đi khập  
khểng và bệnh thấp khớp nặng phải nằm viết  
trên giường bệnh, qua đời 22.11.1871 hưởng  
thọ 43 tuổi. Ông để lại mấy câu thơ bất hủ.

*Nhật mộ tuy vô hồi chiếu xứ  
Qui hoa tự hữu hương dương thân  
(Vùng nhật dù không quay dội lại  
Lòng quỳ vẫn cứ hướng mà theo)*

*Nhật thất túc, thành thiên cố hận  
Tái hồi đầu, thị bách niên cơ...  
(Một kiếp sa chân, muôn kiếp hận)*

*(Ngỏảnh đầu cơ nghiệp ấy trăm năm...)*  
Nguyễn Trường Tộ ra người thiên cổ trong nước Chúa, nhưng Lịch sử không quên ông đã góp công trong việc xây dựng Quê hương, được ca tụng qua những câu thơ sau:

*Non sông thiêng sáng đức nên tài  
Nhưng ước ra tâm giúp giống nòi  
Lấy đạo nghĩa xưa làm mực thước  
Dem khoa học mới để trao đời  
Bao phen xuất ngoại lòng nuôi mộng  
Mấy độ trần tình lệ nhỏ rơi.  
Hôn ám kẻ chi phường sống tạm  
Nghìn thu luống để tiếc thương ai*  
Á Nam Trần Tuấn Khải

Nhà nho Huỳnh Thúc Kháng vinh danh Nguyễn Trường Tộ, một chỗ đứng trân trọng trong Văn Học Việt Nam

*Vô đoan vật sắc đảo trần ai  
Mãn phúc kinh luân bát diệu tài  
Tiền nghịch ngẫu thừa tuyền thất triệu  
Hận nhan trường kỉ sinh đo ai  
Di văn thương hải châu do tại  
Kì khí phong thành kiếm vĩnh mai  
Thông uất giang sơn kim thị tạc  
Tao hôn ứng phục quốc hôn lai*

Bản dịch

*Bông dung vật sắc đến trần ai.  
Đầy bụng kinh luân tám đầu tài  
Tiệc trước tình cờ vua triệu đến  
Người sau nhớ mãi chuyện bi ai  
Biển xanh ghi lại châu còn đó  
Vùi kiếm phong thành có một ai?  
Nghẹn uất non sông ngay chính đó  
Li tao xưa đuổi quốc hôn lai*

Thương tiếc Nguyễn Trường Tộ mất sớm, ước mơ của ông không thực hiện được dưới thời quân chủ chuyên chế. Nhưng ông thể hiện tinh thần của một kẻ sĩ yêu nước, trọn vẹn cho đến hơi thở cuối cùng. Thật là một

tấm gương trong sáng, mọi người phải tôn kính và noi gương. Những điều trần tâm huyết của ông vẫn còn giá trị cho quê hương Việt Nam ngày nay.

**Nguyễn Quý Đại**  
(Germany)



*1/ chiến cuộc giữa Tây và Tàu chấm dứt hiệp ước Bắc kinh được ký vào ngày 25-10-1890. Đè đốc Charner, người chỉ huy mặt trận Hoàng hải của Pháp, được giữ chức Tổng tư lệnh quân đội Pháp, rảnh tay ở Tàu quyết định đánh chiếm Việt Nam*

Tài liệu tham khảo  
*Tự điển danh nhân Việt Nam*  
*Hình và tài liệu trên Internet*

*\*\*\* theo tác giả Thanh Đạm NxB Văn Nghệ viết “ vào khoảng năm 1868, Nguyễn trường Tộ trở về Xã Đoài giúp xây nhà chung và trong thời gian này cưới người yêu Vũ Thị Cam quê Xuân Mỹ, cưới vợ, có một người con tên là Nguyễn Trường Cửu ,, sđd trang 274*

# TÌNH LÊN XANH KÍN LÒNG

Tặng Hà Thị Dung

Anh về thăm quê cũ  
Nắng rìm vàng mái trang  
Luống cải ngồng quẩy rũ  
Lòng bươm xa không đành

Đường mịn màng đất bột  
Mát êm lòng, chân anh  
Trong lùm tre chim hót  
Tiếng quê hương ngọt lành

Ơ ! đôi chim tha cỏ  
Xây giuồng loan trên cành  
Đêm đêm nằm đầu mỏ  
Mớm mật tình ngọt thanh

Dòng sông len lỏi chảy  
Giữa đôi bờ cỏ xanh  
Dòng đời con nước xoáy  
Đâu cuốn tình Em, Anh...

Anh về thăm quê cũ  
Như thuyền về với sông  
Cây rơm vàng áp ủ  
Hương cỏ nội hoa đồng

Bao năm Em vẫn đợi  
Anh về thôi nhớ mong  
Màu lên xanh kín nội  
Tình lên xanh kín lòng!

# HÀ NGUYÊN DŨNG

(California)

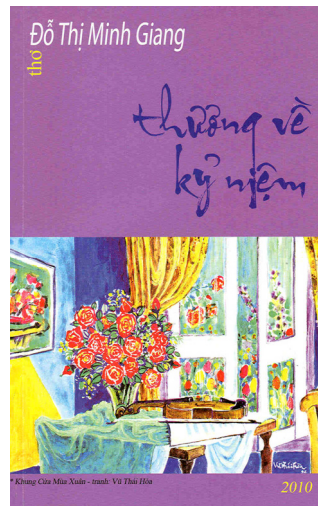
# PHƯỢNG MƠ

*Phượng tím vẫn là phượng tím mơ  
Màu hoa diu diu mảnh hồn thơ  
Buồn dâng man mác chiều hoang vắng  
Kỷ niệm tìm về bóng ngấn ngờ.*

*Phượng hồng nở thắm mái hiên xưa  
Ứng má hồng ai nắng buổi trưa  
Nón lá che nghiêng làn suối tóc  
Nụ cười e ấp mắt đong đưa.*

*Xuân sắc xa rồi thương nhớ ơi  
Màu hoa loang tím cả khung trời  
Em đi hồn vỡ từng mảnh nhỏ  
Lệ ứa hoen mi nhạt tiếng cười.*

*Cánh phượng bay theo làn gió thổi  
Dòng đời trôi nổi tận phương nào  
Xin hãy cho nhau lời tạ lỗi  
Duyên tình ngày cũ vẫn thắm trao.*



ĐỖ  
THỊ  
MINH  
GIANG  
(Louisiana)

# Bài tình ca trong ngày

Thanh Trang

*Chậm vừa*

Những nỗi nhớ khi vui khi buồn Những dĩ  
vãng xoay trong tâm hồn Có nỗi nhớ đắng cay muôn  
phần Thà như mình quên Thuyền xưa rời bến Mang theo nỗi  
niềm ! Qua sân nắng nhớ nhau khi  
về Qua sông vắng nhớ khi chia lìa Lòng chiều  
mưa Dàn thưa màu nắng Lòng chiều vắng nhạt phấn hương  
xưa ! Một thời để nhớ tin yêu còn  
đó ! Thuyền đời dạt bến yêu thương triu mến ! Rồi lòng rộn  
rã Yêu như vội vã không mong ngày qua Kỷ niệm còn  
đó Nên xui lòng nhớ Kỷ niệm còn đây Chưa xa là  
mấy Lòng nào bình yên dẫu có tìm quên lớp sóng triều  
miên vọng về trên bến ? Những nỗi Lòng chiều vắng nhạt phấn hương xưa !

*D.C.* **2** *Sost.*



# VỀ "Bài tình ca trong ngày"

**T**rong CD "10 ca khúc Thanh Trang- Vol. II" do Quang Tuấn hát với tựa đề cho CD là "Bài tình ca trong chiều" thì cũng có luôn bài hát "Bài tình ca trong đêm".

Nội dung nơi "Bài tình ca trong chiều" là kể chuyện một cô gái có anh bạn trai quen nhau đã lâu thế nhưng anh ta vẫn ngại ngần chưa dám tỏ tình, cho nên phải chờ một chuyến đi xa,

("Càng đi xa anh càng nhớ em", theo như lời bài hát "Thủy thủ và biển cá" của Y Vũ trong Nam trước năm 75), vì "nhớ em quá" cho nên chàng ta mới có đủ sự nhớ nhưng cùng sự dạn dĩ nhờ khoảng cách để thu gom hết can đảm mà gọi "phone" tỏ tình với cô nàng!

Nội dung nơi "Bài tình ca trong đêm" thì lại là tâm sự của một anh đàn ông con trai cùng hẹn hò với người yêu mình nơi một thành phố lạ nào đấy đối với cả đôi bên, rồi khi ai về nhà nấy ở khác địa phương ( bên này là khác Tiểu Bang ) thì cứ thế mà đêm về lại nhớ nhau ! (Phải chờ đến đêm vì ban ngày còn phải đi làm! Làm thơ, viết bài hát mà bỏ đi những chuyện thực tế ở ngoài đời

thì cho dù có là thơ thần hay ca hát thì vẫn đều là chuyện "thêu dệt"! )

Vậy thì một hôm có anh bạn hỏi tôi: "Ban chiều hay ban đêm gì đấy thì ông cũng có bài "Tình ca". Thế thì ban ngày

ông có "tình ca" gì hay không vậy?"

Tôi đáp: "Mấy năm trước đây tôi còn đi làm cho nên, chiều đến, lái xe về nhà thì có "Bài tình ca trong chiều", còn tôi đến thì có "Bài tình ca

trong đêm". Còn bây giờ tôi đã nghỉ hưu thì ban ngày tất nhiên có khá rộng rãi thời giờ để mà nhớ đến khá nhiều kỷ niệm buồn vui trong đời. Chỉ có khác là khi nhớ đến những kỷ niệm buồn vui trong đời thì không chỉ còn là của riêng mình nữa mà có lẽ cũng đều là chung cho mọi người!"

Anh bạn tôi nói: "Như vậy tức là nếu ông có thêm "Bài tình ca trong ngày" thì từ sáng đến khuya, lúc nào ông cũng "tình ca" hết?"

Tôi đã trả lời anh bạn: "Thì chẳng nào giờ này tôi cũng không đến nỗi phải lo lắng cho lắm về chuyện "Tiền Ca" !



**Thanh Trang**

Nam Cali. , cuối Đông 2011

# TRƯỜNG PHÁI ẨM TƯỢNG

## HAY LÀ

# NGÔN NGỮ HỘI HỌA SÁNG TẠO

## NGUYỄN BẢO HÙNG

**N**gày 15-4-1874 tại cơ sở của nhiếp ảnh gia Nadar số 35 đại lộ Capucines – Paris đã khánh thành cuộc triển lãm tranh của một nhóm họa sĩ ly khai khoảng 30 người trong đó có Monet, Renoir, Degas, Berthe, Morisot, Pissarro... Gọi là *ly khai (dissidents)* nghe cho xôm tụ, chứ thời bấy giờ họ bị liệt vào nhóm họa sĩ bị *khước từ (les refusés)* vì tranh của họ không được nhận trưng bày tại *Phòng Triển lãm chính thức*. Phòng Triển lãm chính thức, được biết dưới tên gọi *Le Salon officiel* và đặt trụ sở tại Viện bảo tàng Louvre, là nơi hàng năm tổ chức trưng bày các tác phẩm nghệ thuật hội họa hoặc điêu khắc được đánh giá là có mỹ thuật. Đây chính là cơ hội để tác giả được quần chúng biết đến và đem lại cho họ danh vọng tiền tài. Nhưng muốn vậy họ phải có tác phẩm lọt được vào mắt xanh của một Ban Giám Khảo mà thành viên hầu hết đều là hội viên của Học Viện Mỹ Nghệ (Académie des Beaux-Arts). Tiêu chuẩn đánh giá và chọn lựa, cho tới giữa thế kỷ 19, vẫn là dựa trên mỹ học kinh viện (académique) và truyền thống Phục Hưng La Mã (La Renaissance romaine). Bởi lẽ cách sử dụng màu sắc và đường nét cách tân của nhóm không hợp nhãn Ban tuyển trạch nên tranh họ đã bị loại

bỏ. Đó cũng là lý do khiến bọn họ đứng ra tổ chức riêng cuộc triển lãm từ 15-4 đến 15-5-1874 đúng hai tuần trước ngày khai mạc Phòng Triển lãm chính thức. Với kỳ vọng sẽ cạnh tranh được với Phòng triển lãm kỳ cựu, một thành viên đã không ngần ngại phát biểu một câu xanh rờn : « Cuộc triển lãm lưu vong này là một thắng lợi lớn và tranh của bọn ta sẽ là một cạnh tranh chí tử với đám khựa lão đui chột góc nghếch ấy... ». Nhưng cuộc trưng bày của họ lại hầu như là một thất bại. Suốt một tháng trời mở cửa chỉ có khoảng 3500 khách vãng lai, chưa bằng một phần mười tổng số người kéo đến coi Phòng Triển lãm chính thức. Về phần giới phê bình chính thức cũng chỉ bình phẩm qua loa hoặc nhắc chiếu lệ về phòng tranh mà thôi. May thay, một vài nhà phê bình thuộc loại nghiệp dư, không mấy tiếng tăm lại « đánh hơi » được tính khai phá cách tân của đường lối hội họa mới này, như nhận xét của nhà phê bình nào đó trên tờ RAPPEL : « *Bạn ơi, khi tới đây bạn hãy vứt bỏ mọi thành kiến cố lỗ sĩ đi. Hẳn một thời đã có những họa sĩ khờ khạo cứ tưởng rằng khi muốn cho ta ý niệm về một cái cây là phải vẽ đúng một cái cây đủ cả thân lẫn cành và lá. Tội nghiệp thay, họ đâu biết rằng hội họa phải đem lại cho ta trước hết « ẨM TƯỢNG » về các sự vật, chứ không phải cái chúng là hiện thực.* » (... Vous qui entrez,



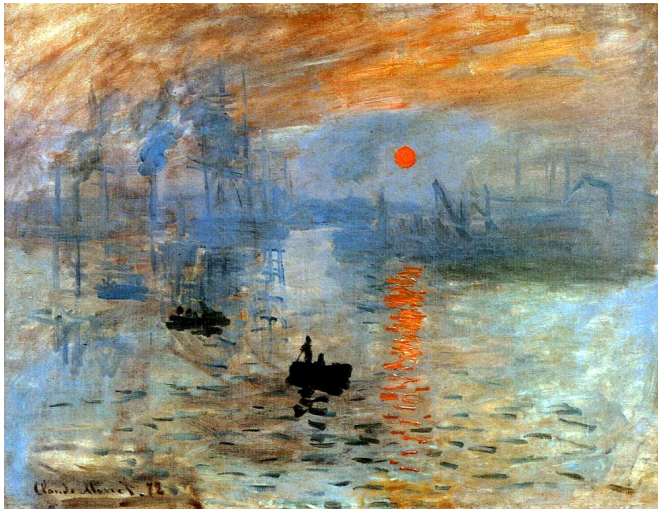
laissez tout préjugé ancien. Il fut un temps sans doute où des peintres naïfs, lorsqu'ils voulaient donner l'idée d'un arbre, peignaient un arbre en effet avec un tronc, ses branches et ses feuilles. Ils ignoraient que la peinture doit donner avant tout « l'impression » des choses, non leur réalité même » Theo J.J LÉVÊQUES – *Les Années Impressionnistes \_ 1870 - 1889*, ACR Éditions Internationales 1990, tr. 284)

« Hội họa phải đem đến cho ta cái ấn tượng về các sự vật chứ không phải cái chúng là hiện thực. » : Nhà phê bình nào đó, khi phát biểu như trên, hẳn đã nắm được ý nghĩa mang tính chất sáng tạo của từ **Impression** đặt trước hai chữ **Soleil levant** dùng làm tựa cho bức

« RẠNG ĐÔNG » (**Impression, soleil levant**-1872)

của Claude Monet. Đó cũng là cảm nhận của nhà phê bình Louis Leroy, cha đẻ ra từ **Impressionnisme**, trong bài tường thuật « L'exposition des **impressionnistes** » trên tờ « LE CHARIVARI » số ra ngày 25-4-1874 khi, đứng trước bức « RẠNG ĐÔNG », ông đã phải thốt lên :

« *Bức tranh này phô bày cái gì ? Ấn tượng ! Ấn tượng, phải rồi. Tôi thậm chí bối rối vì chính tôi cũng bị ấn tượng, quả là đã có ấn tượng trong đó.* » (« Que représente cette toile ? Impression ! Impression, j'en étais sûr. Je me disais aussi, puisque je suis impressionné, il doit y avoir de l'impression là-dedans... » - Laure-Caroline SEMMER .- *Les œuvres-clés* SỐ 55



*de l'Impressionnisme*, p. 84 – Coll. *Comprendre & Reconnaître*, Edit. LAROUSSE, Paris 2007). Vậy là cũng như đồng nghiệp của mình trên tờ Rappel, nhà phê bình nghiệp dư Louis Leroy, không ngờ lại tỏ ra có cặp mắt tinh tế hơn người vì đã sớm phát hiện những đường nét cách tân trong bức họa của Monet. Trong khi ấy, hầu hết giới phê bình chính thức được mô tả là có thẩm quyền và uy tín, có lẽ còn say sưa với hào quang của danh hiệu trao tặng, nên vẫn miệt mài trên những lối mòn khiến chưa biết nhìn ra tính sáng tạo của bức tranh báo hiệu một bình minh rạng rỡ cho hội họa.

Vậy tính cách tân sáng tạo ấy là gì ? Để

có được câu trả lời thích đáng không gì bằng quan sát và tìm hiểu từng đường nét của bức tranh được coi là cái đỉnh của buổi ra mắt và đã trở thành đầu đề tranh luận bàn tán trong suốt thời gian phòng tranh mở cửa.

Nhưng trước hết, tường cũng nên nhắc lại một sự kiện nay được coi thuộc loại bên lề, nhưng với chúng ta có thể lại hữu ích. Trong thư sau này gửi cho một người bạn, Monet cho biết bức tranh, thực hiện năm 1872 tại Le Havre, là cảnh tượng đã đập vào mắt ông một sớm mai khi, vừa mở cửa sổ, ông nhìn ra bến tàu. Sau đó bức tranh đã được gửi tới Ban Triển lãm mà không có thêm tựa đề. Tới khi được Ban Tổ chức đề nghị chọn cho nó một cái tên, ông đã chỉ đáp lại bằng một chữ ngắn

nguồn : « *Impression* ». Với từ này, hẳn Monet muốn lưu ý mọi người rằng tranh của ông không phải là một *hình ảnh về cảng Le Havre (une vue du Havre)* theo quan niệm hội họa cổ điển. Trái lại điều ông muốn phơi bày trên tấm bố chính là cái cái cảm nhận do ánh sáng cảnh vật bên ngoài đã ủa tới đập vào mắt ông một buổi sáng khi , vừa mở cửa sổ, ông nhìn ra bến cảng. Và điều mà ông muốn truyền đạt, qua bức tranh, chính là cái *ấn tượng* hay đúng ra cái cảm nhận qua thị giác của riêng ông trong khoảnh khắc đó và ở vị trí đó. Có lẽ muốn tránh cho khách viếng thăm khỏi ngỡ ngờ, Edmond Renoir, em của họa sĩ Auguste Renoir và cũng là người phụ trách lập danh mục các tác phẩm trưng bày, đã thêm vào hai chữ *soleil levant* thành cái tựa « *Impression, soleil levant* » nhằm giúp cho khách coi tranh hình dung được cụ thể nội dung bức tranh hơn. Dần dà, khi mỹ quan ấn tượng đã trở nên quen thuộc, người ta mới cắt bỏ từ « *Impression* » để chỉ còn lại hai chữ « *Soleil levant* » mà thôi. (Sdd, tr. 84). Sự kiện này, ngày nay chẳng còn được mấy ai quan tâm đến ; đôi khi nếu có đem ra nhắc lại, thì cũng chỉ như là giai thoại thêm mắm thêm muối cho vui câu chuyện tại các buổi tiệc tùng hay trong những lúc trà dư tửu hậu mà thôi . Nhưng đặt vào thời điểm bức tranh được đem ra trình làng thì sự hiện diện của từ « *Impression* » mới quan trọng và cần thiết làm sao. Nó chính là chìa khóa giải mã, là câu niệm chú giúp ta lọt được vào thế giới hội họa ấn tượng và nắm bắt được ý nghĩa của sự tìm tòi sáng tạo cách tân của Monet cùng các đồng môn của ông.

Trước hết, khi đề nghị từ « *Impression* » làm tựa cho tác phẩm của mình, Monet hẳn muốn nhắc nhở rằng tác phẩm của ông không phải là một họa lại hiện thực theo mỹ quan cổ điển. Bởi vậy ta đừng trông mong tìm thấy ở đây một bức tranh về bến cảng Le Havre vào lúc bình minh : quang cảnh rạng đông tuyệt

mỹ với các đường nét rõ rệt trong một bố cục phân đối hài hòa, những hình thể, những khối thể hiện lộ nhờ vào sự pha trộn màu sắc khéo léo tạo ra những khoảng sáng tối đậm nhạt đem lại cho ta một ảo giác về chiều sâu không gian. Trái lại ta phải luôn tự nhủ rằng điều mà nhà danh họa muốn truyền đạt tới chúng ta chính là cái *ấn tượng* mong manh, bất chợt hay đúng ra là cái *cảm xúc* trong khoảnh khắc trước cảnh tượng ánh sáng chói lọi đã ủa tới tác động vào thị giác ông một buổi sáng khi ông nhìn ra bến cảng. Le Havre, như chúng ta cũng biết, là một hải cảng trên biển Manche thuộc vùng Normandie tây bắc nước Pháp nên buổi sáng ở đây thường ướt đầm sương mù. Khi vừa mở tung cửa sổ, nếu ông đã bị chói mắt bởi mặt trời như một đĩa lửa xuyên thủng màn sương dày đặc và phản chiếu lấp lánh trên mặt biển, thì ánh sáng chói lọi đó vẫn chưa hội đủ nội lực để làm tan loãng bầu khí quyển còn đậm đặc hơi nước. Bởi vậy đồng thời với mặt trời đỏ chói và cũng do tác động của ánh sáng chói lọi này, trước mắt ông còn lại chỉ là một khung cảnh mơ hồ : một bầu trời ửng hồng còn nhập nhòa với biển cả, bóng dáng của một số ông khói nhà máy và một vài cây cần trục chập chờn ần hiện trong bầu không khí vẫn đục, dăm ba chiếc thuyền nhấp nhô mập mờ trên mặt nước... Ngần ấy thứ cùng một lúc ủa tới tác động vào thị giác khiến, trong khoảnh khắc ấy, ông chỉ có *ấn tượng* về các sự vật chứ không phải là một *hình ảnh* của cảnh vật. Làm sao để nói lên cái ấn tượng gây cho ông một cảm xúc mạnh mẽ trong khoảnh khắc bất chợt đó ? Thấy rằng không thể dựa trên các phương pháp bài bản cổ điển được, Monet cũng như các đồng môn của ông đã phải đi tìm một *ngôn ngữ hội họa (language pictural)* mới bằng một phương pháp tiếp cận mới với những kỹ thuật biểu thị mới. Cái ngôn ngữ hội họa mới ấy chính là

thành quả của một tìm tòi học hỏi về tác động của ánh sáng trên màu sắc và cảnh vật.

Trong một chừng mực nào đó, ta có thể nói hội họa ấn tượng là hội họa *của* ánh là hội họa *về* ánh sáng, là kết quả của tìm tòi về tác động của ánh sáng trên vạn vật. Ứng dụng qui luật quang học Newton về di động ánh sáng, Monet cũng như các đồng môn của ông đã bỏ công sức và thời giờ quan sát ngoại cảnh để ghi nhận rằng: Cùng một cảnh vật nhưng, do tác động của ánh sáng, nó lại cho ta nhiều cảnh tượng khác nhau, nhiều hình ảnh khác nhau, nhiều *ấn tượng* khác nhau về cảnh vật đó tùy theo điều kiện thời tiết khác nhau, thời điểm khác nhau trong ngày, thậm chí có khi còn cả tùy theo vị trí đứng quan sát nữa. Bởi vậy các bức họa được coi là *hoàn mỹ* theo quan niệm cổ điển chưa hẳn đã *toàn bích* vì nó chỉ cho ta hình ảnh một thực tại cứng nhắc, im lìm, bất biến. Mà đời sống lại là một giòng chảy không ngừng. Và chỉ những cái thuộc về *hiện tượng*, tức là những cái chợt hiện trước mắt ta rồi biến đổi, những ấn tượng của ta trong khoảnh khắc ấy mới là phản ánh đích thực của giòng chảy đời sống luân lưu. Nghệ thuật, do đó, phải biết nói lên tính sinh động của hiện thực trong từng khoảnh khắc biểu hiện của nó. Bởi vậy các họa sĩ ấn tượng không lấy *chủ đề* (le sujet ou motif) tức là cảnh vật hay nhân vật làm đối tượng chính cho bức tranh của họ. Chủ đề hay đúng ra là đối tượng hội họa, với họ, chính là tác động của ánh sáng trên cảnh vật chứ không phải bản thân cảnh vật. Cũng vì thế các họa sĩ ấn tượng đã hướng về ngoại cảnh nhiều hơn, thay vì thu mình trong xưởng vẽ, để tìm cảm hứng sáng tạo cho các tác phẩm của mình. Và cũng trong chiều hướng nghiên cứu này Monet đã để lại cho ta hàng loạt các bức tranh về cùng một chủ đề nhưng ở các thời điểm khác nhau trong ngày hay trong các mùa thời tiết khác nhau. Thí dụ như loạt tranh về

Thánh đường Rouen (série « Cathédrales de Rouen »), về các Đổng rạ (série « Les Meules ») hay về các Bông súng (série « Les Nénuphars »).

Không chỉ suu tầm tác động của ánh sáng trên cảnh vật, trường phái ấn tượng còn khai thác một phát hiện khoa học mới mẻ khác, đó là qui luật về « tác động tương phản đồng thời của màu sắc » của Eugène Chevreul (*De la loi du contraste simultané des couleurs*, 1839). Theo qui luật này, không hề có vật nào giữ được một màu nguyên thủy (couleur primaire) bất biến. Trái lại màu của nó luôn biến đổi do tác động của màu sắc cảnh vật xung quanh. Do đó khi ta có hai màu kề cận nhau, do tác động tương phản của chúng, mắt ta lại nhìn ra thành một màu thứ ba. Thí dụ như đỏ đứng cạnh vàng, ta lại nhìn ra màu cam hoặc màu xanh lơ bên cạnh màu vàng sẽ cho ta màu xanh lá cây. Kết hợp qui luật Newton về di động ánh sáng với qui luật Chevreul về tác động hỗ tương giữa các màu sắc nhóm họa sĩ ấn tượng đã đề xuất một phương thức biểu thị mới (nouveau mode d'expression) để hình thành ngôn ngữ hội họa ấn tượng. Phương thức biểu thị ấy dựa trên nguyên lý được biết dưới tên gọi là *mélange optique* mà chúng tôi xin tạm dịch là *nguyên lý hòa nhập hình ảnh và màu sắc do di động của ánh sáng* hay, để cho ngắn gọn, *nguyên lý điều hợp quang học*. Theo nguyên lý này, khi ta có nhiều hình ảnh tách biệt với những màu sắc khác nhau nhưng tiếp giáp nhau, các hình ảnh và màu sắc ấy lại có khuynh hướng hòa nhập với nhau do tác động của ánh sáng di động lên cặp đồng tử của ta, và sự hòa nhập ấy gia tăng theo tỷ lệ thuận với khoảng cách và với tốc độ ánh sáng. Nguyên lý này chính là phương thức tìm kiếm để Monet thể hiện cảm quan của mình lên bức tranh, và tiến hành cuộc cuộc cách mạng ấn tượng như là một nhãn quan mới về hiện thực, một quan

niệm mới về hội họa đánh dấu một đứt đoạn với mỹ quan cổ điển.

Giả dụ ta là một khách tới dự buổi khai mạc cuộc triển lãm hội họa ấn tượng với một nhân quan cổ điển. Tiến về phía bức tranh « **Rạng Đông** » (*Impression, soleil levant*) đang được mọi người xúm xít chỉ trỏ bàn tán, ta đã thấy gì ? Ngoại trừ cái vòng tròn đỏ cam phía trên gần chính giữa là tương đối rõ nét, còn lại chỉ là những khoảng loang lổ những quệt sơn khi thì chồng chất lên nhau, khi thì quệt dọc, khi thì quệt ngang nom chẳng ra hình thù gì cả. Bức tranh này về cái quái gì đây nhỉ ? Ta tự hỏi. Tìm đọc cái tựa « Impression, soleil levant » : « A, thì ra đây là một bức họa phong cảnh bình minh. » Thế nhưng, ngoại trừ cái vòng tròn màu đỏ cam và phần không gian nhuộm hồng ở đỉnh bức tranh cùng vài vết quệt loang ngoảng màu cam ngay phía dưới là gợi cho ta ý tưởng về mặt trời mọc ; còn lại toàn thể bức tranh chỉ là một hình ảnh nhập nhòa, hình chẳng ra hình, nét chẳng ra nét khiến ta khó hình dung nổi phong cảnh đó ra sao cả. Cảm nghĩ này của ta chắc cũng là cảm nghĩ chung của đa số khách tới coi tranh bữa đó còn ôm theo nhân quan cổ điển. Và cái cảm nghĩ này đã được nhà phê bình bảo thủ Emile Cardon nói lên dùm bằng những lời lẽ châm biếm trên tờ *La Presse* (29-4-74) như sau : « *Cái trường phái này loại bỏ hai điều : đường nét là cái không thể thiếu được nếu ta muốn đem lại cho một sinh vật hay một sự vật một hình thể, và màu sắc là điều giúp cho hình thể đó được hiện ra như thực. Hãy lấy sơn trắng hay sơn đen bôi lên ba phần tư một tấm bố, và phần còn lại màu vàng. Sau đó chỉ việc lấy cây cọ quệt những vệt xanh vệt đỏ trên đó, thế là là anh đã có một bức tranh ấn tượng về mùa xuân để các đệ tử tha hồ trầm trồ tán tụng.* » (Cette école supprime deux choses : la ligne sans laquelle il est impossible de reproduire la

forme d'un être animé ou d'une chose, et la couleur qui donne à la forme l'apparence de la réalité. Salissez de blanc ou de noir les trois quarts d'une toile, frottez les restes de jaune, piquez au hasard des taches rouges et bleues, vous aurez une impression de printemps devant laquelle les adeptes tombent en extase. Theo Dominique LOBSTEIN .- *Au temps de l'impressionnisme 1863-1886*, p.63 \_ Gallimard 1993/ Réunion des Musées nationaux ). Vậy là, mặc dù đã có sự cảnh báo của Monet với từ *Impression*, nhà phê bình Emile Cardon đã không chịu mở rộng tầm nhìn để đón nhận tính cách tân sáng tạo trong bức họa. Cứ khur khur ôm lấy các chuẩn mực của mỹ quan cổ điển, ông vẫn muốn đi tìm ở « Rạng Đông » một bức tranh hoàn chỉnh với chủ đề là một phong cảnh, một chân dung, một điển tích trong đó người nghệ sĩ thể hiện tài năng của mình bằng những hình thể, đường nét cân đối trong một bố cục pha trộn ánh sáng, màu sắc hài hòa. Do tầm nhìn còn bị giới hạn bởi lập trường bảo thủ ấy nên ông ta mới đánh giá bức họa của Monet bằng những lời lẽ mỉa mai riếu cợt. Ông đâu biết rằng điều mà ông cho là những vết sơn quệt của một thủ pháp lố lăng để lèo thiên hạ ấy, lại chính là kết quả của một khổ công tìm tòi của Monet dựa trên các phát hiện khoa học mới mẻ để thể hiện cái nhìn khai phá và thổi một luồng sinh khí mới cho hội họa.

Như đã trình bày ở trên, các họa sĩ ấn tượng không lấy *chủ đề* (le sujet ou motif) tức là cảnh vật hay nhân vật làm đối tượng chính cho tác phẩm của họ. Cũng như chất xúc tác để gây ra một phản ứng hóa học, ngoại cảnh hay chủ đề, với các họa sĩ ấn tượng, chỉ được coi như một thứ nền tạo điều kiện hay cơ hội cho họ phô bày các *ấn tượng*, *cảm xúc* chủ quan trong một khoảnh khắc và ở vào một thời điểm nào đó mà thôi. Mà muốn biểu thị các sắc thái biến đổi chập chờn thoáng hiện

ấy : bầu không khí ẩm ướt sương mai, sóng nước long lanh, chân trời mặt biển nhập nhòa, cảnh vật nhòe nhoẹt ... Monet, cũng như các đồng môn của ông, đều thấy rằng không thể tiếp tục vay mượn các thủ pháp cổ điển được. Trái lại chỉ có phương pháp dựa trên *nguyên lý điều hợp quang học (le principe de mélange optique)* mà họ đã chịu khó bỏ công nghiên cứu và tìm hiểu mới giúp họ vững bước trên con đường sáng tạo. Cũng vì vậy các họa sĩ ấn tượng đã từ bỏ việc minh họa các hình thể với những đường nét ước lệ (conventionnel) cứng nhắc. Thay vào đó là những quét sơn kẻ cận, khi dọc, khi ngang, khi ngắn khi dài, có khi chồng chéo lên nhau để tạo ra những bóng dáng mơ hồ... Nhìn gần, những lát sơn quét này chỉ cho ta một hình ảnh nhòe nhoẹt chẳng rõ hình thù ra sao. Nhưng với khoảng cách, do tác động của ánh sáng, chúng lại hòa hợp với nhau và đem lại cho ta hình ảnh của một cảnh vật không ngừng chuyển động. Ngoài ra, cùng với việc bỏ rơi các hình thể đậm nét, họa sĩ ấn tượng cũng thay thế cách pha trộn màu sắc bài bản để tạo ra các khoảng không gian sáng tối, đậm nhạt bằng những quét sơn màu tiếp cận nhau hoặc chồng chất lên nhau. Hệ quả là, với khoảng cách và do tác dụng của truyền bá ánh sáng, những quét sơn màu này, thay vì là những vệt loang lổ, lại truyền đạt cho ta cái ấn tượng của một bầu khí quỳên với ánh sáng đang nhảy múa trên mặt biển *lung linh sóng nước* ; hoặc đem lại cho ta cảm giác đang đứng trước một thực tại sinh động như khi ta *đưa mắt lắng nghe tiếng gió reo vui trên cánh đồng rực rỡ hoa mào gà*. (coi Monet, *Les Coquelicots 1873*).

Trên đây là trình bày sơ lược về ý nghĩa nội dung và về một vài bí quyết thủ thuật trong ngôn ngữ sáng tạo của hội họa ấn tượng. Chúng tôi xin dành cho quý độc giả phần quan sát bức « *Impression, soleil le-*

*vant* » (1) để thưởng lãm và đánh giá công trình nghiên cứu và học hỏi của trường phái ấn tượng đã đóng góp cho sự cách tân hội họa như thế nào.

## NGUYỄN BẢO HÙNG

(Février – Avril 2011)

(1) Có thể truy cập dễ dàng trên Google bằng cách gõ : « *soleil levant monet* ». Ngoài ra quý vị nào có dịp viếng thăm Paris có thể tới coi tận mắt bức tranh của Monet trưng bày tại Le musée Marmottan Monet 2, rue Louis – Boilly, 75016 Paris. Mở cửa từ 10 giờ tới 18 giờ mỗi ngày, ngoại trừ thứ hai hàng tuần và hai ngày 1-5 và 25-12.

Tài liệu tham khảo :

- Elisabeth LIEVRE-CROSSON : *Comprendre la peinture* – Les Esentiels Milan , Editions Milan 1999.
- J.J LEVEQUES : *Les Années Impressionnistes 1870-1889* - ACR Editions Internationales 1990.
- Nadeije LANEYRE-DAGEN : *Lire la peinture dans l'intimité des œuvres* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2002.
- Patricia FRIDER-CARASSAT & Isabelle MARCADE : *Les Mouvements dans la peinture* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2003.
- Nicole TUFFELLI : *L'art au XIXè siècle* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 1987.
- Dominique LOBSTEIN : *Au temps de l'impressionnisme* – Gallimard 1993/Réunions des Musées Nationaux.
- Laure-Caroline SEMMER : *Les œuvres-clés de l'Impressionnisme* – Collect. Comprendre et Reconnaître, Edit. Larousse 2007.
- Isabelle CAHN : *Comment regarder Monet* – Edit. Hazan, Paris 2010.

# Những câu chuyện tình ... như lan rừng tỏa hương

## Đỗ Phú

Tặng anh Nguyễn Văn Trí

Nói chuyện về tình người thì kể như không bao giờ cạn. Con người có tư duy mà tư duy khởi đầu có thể khởi nguồn từ những đòi hỏi của các nhu cầu cơ bản để sống như ăn no, mặc ấm, yêu đương giận hờn, gồm tình yêu đồng loại, yêu thương sinh vật, yêu thiên nhiên, yêu súc vật sống chung quanh hay cùng đồng hành với mình. Luận về hoa, các loài hoa thì hết sức thi vị, cũng gần như những chuyện dài vô tận, nhất là nói chuyện về hoa lan rừng, nhiều màu sắc, hương thơm cũng nhiều cường độ, bông thì thơm ngát, bông thì dịu dịu, nhẹ nhàng thanh thoát.

Hàng năm, chúng tôi thường tìm dịp nghỉ hè đi chơi một đôi nơi, vừa để nghỉ ngơi, thư giãn vừa để xem cảnh xem người, chúng tôi đưa các con đi du lịch, năm đi gần, năm đi xa tùy theo túi tiền để dành được. Năm ngoái chúng tôi đến Hawaii, đi tắm biển Waikiki, đi chơi thăm công viên bách thảo, sinh thái, công viên mưa ẩm ướt quanh năm (rain for



Nguyễn Văn Trí khoá 4/70  
Trừ Bị Thủ Đức

est), được ngắm một bờ rào dài 30,40 thước đầy đặc hoa lan, nhiều loại khác nhau, đủ màu, đủ loại nhưng lan trắng nhụy hồng, tím nhiều hơn cả. Lần đầu tiên chúng tôi thấy hoa

lan nhiều như vậy. Nhà tôi thì vừa xem vừa hết trầm trồ khen ngợi chỗ này đến chỗ kia. Nhìn thấy hoa lan rừng nở nhiều như vậy chúng tôi mới hiểu người Hawaii đã dùng hoa lan nhiều trong vùng của họ và khi vừa bước xuống máy bay, chúng tôi đã được nhân viên tiếp đón bằng một nụ cười tươi, câu chào Aloha và một vòng hoa lan chòang vào cổ. Rồi một đoàn

vũ nữ chừng 10 cô mặc váy lá gồi (bây giờ họ thay lá làm bằng tơ lụa hay nylon), đeo

vòng cổ hoa lan tươi thật đẹp nhẹ nhàng nhảy uốn lượn chào đón du khách theo vũ điệu Hula Hawaii thật đẹp. Thấy họ dùng nhiều hoa, bây giờ chúng tôi mới hiểu dân Hawaii giống được nhiều hoa lan và có thể nói là đủ loại dễ dàng và nhiều vô kể. Hoa lan thường giữ được vẻ tươi đẹp nhiều ngày, có khi đến cả tháng, nhưng đến khi tàn, cắt cuống, chăm nom, tưới bón cho đến ngày có được một vài bông mới rất lâu, thật là trân ai, vất vả, một phần có lẽ chúng tôi ở xứ lạnh, không hợp với

hoa lan. Hoa lan đòi hỏi khí hậu nhiệt đới, ẩm ướt, nhưng không quá nhiều nước, khí hậu mát mẻ, lan có nhiều loại hết sức đẹp, nói chung lan khó trồng, buộc người chơi hoa phải học hỏi, tìm tòi cho thấu hiểu về đời sống của lan, bỏ nhiều công sức chăm sóc chúng thì mới mong thành công trồng nó cho ra hoa đẹp được. Ở Việt Nam trước những năm 1970, thú chơi lan chỉ dành cho thiểu số người thích hoa lan. Nhiều người chỉ biết có ngọc lan, hoàng lan, mộc lan sau thêm nhiều loại lan rừng. Ngày nay phong lan, địa lan lên đến hàng trăm loại với muôn vẻ, muôn màu, hương sắc thắm tươi, việc phổ biến cách trồng tia lan được rộng rãi nhưng trồng được một bông lan vẫn còn là cả một công trình lớn. Nhiều người đi tìm cắt những cụm bông lan rừng hiếm quý về treo với cả niềm thích thú say mê. Lan là hoa được nhiều người ưa thích nên việc trồng tia cũng đã được phổ biến sâu rộng, nhưng trồng hay săn sóc hoa cho thành công vẫn đòi hỏi nhiều trí lực. Tôi được biết tới hoa lan khi đọc các bài viết của nhà văn Nhất Linh về thú chơi hoa lan, ngày ông dọn nhà lên Đalat sống ẩn dật vào những năm đầu 1960. Cùng vào thời gian này tôi có ông chú họ rất thích trồng hoa, hoa ông trồng gồm nhiều loại, bày la liệt trên sàn gỗ phía sau nhà, mỗi khi có một bông lan nở là ông lại gọi tôi sang uống trà, ngắm hoa nghe ông kể chuyện về loài hoa lan rừng mà ông sưu tập được. Ông nói về hoa lan say sưa như một nhà truyền đạo, tôi ngồi chăm chú nghe tuy có thích nhưng tâm hồn chưa đạt tới đích của một tín đồ. Hình ảnh hoa lan và những câu chuyện kể về lan đã được cất giữ sâu trong đáy trí óc của tôi.

Gần đây nhà tôi thích hoa lan, nên trong nhà tôi lúc nào cũng có hai ba chậu hoa lan tươi và sau nhà thì hàng chục chậu lan đã hết hoa đang được chăm sóc chờ hoa nở vào dịp tới. Hoa lan đủ màu sắc, vàng, trắng, đỏ, tím... hai màu tôi thích nhất là vàng và tím. Ngắm nhìn những cành hoa lan mọc dài, uyển chuyển, nhẹ nhàng tinh khiết, màu sắc tươi sáng, tinh xảo, đẹp huyền ảo gọi cho tôi nhiều cảm nghĩ về hình bóng đẹp của tâm hồn người phụ nữ Việt. Họ đã phải trải qua thời ly loạn 1960-1975, sau đó dù chiến tranh không còn nữa nhưng số kiếp con cò lận đận bờ sông của họ vẫn không giảm. Biết bao nhiêu thảm cảnh mà người dân Việt đã gánh chịu trong thời gian qua và còn tiếp tục trong hiện tại. Một điển hình về sự cần cù, tấm lòng yêu thương chồng con vô vàn của chị Trí đưa tôi về một đoạn đời nhiều biến động đã qua. Cuộc đời của anh Trí trải qua nhiều gian truân như người ta thường nói cuộc đời nổi trôi như vận nước, và những cuộc tình của anh cũng trôi nổi theo mỗi nhịp đập của cuộc chiến VN, và nó phản ánh những điểm chung của nhiều người cùng sống và lớn lên trong giai đoạn bi thảm này. Vì vậy mà tôi, mỗi lần có dịp ôn lại tình bằng hữu của quá khứ, tôi lại nghĩ đến anh chị Trí. Anh chị Trí và chuyện tình của anh chị là những chuỗi tình đẹp nhưng cũng đượm buồn vì không khí chiến tranh tại Việt Nam. Bạn Trí đã được hưởng những mối tình trong sáng, tình cảm, yêu thương nhau với tinh thần chồng vợ thiêng liêng và anh đã sống trọn vẹn cho những cuộc tình này.

Tôi gặp anh Nguyễn Văn Trí lúc anh mới vào làm cho trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Việt Nam trên đường Nguyễn Du vào khoảng 1957-60, anh làm thư ký nhưng

sớm được coi như tổng thư ký vì anh được ông Giám Đốc Nguyễn Phụng trọng dụng và giao cho gần như mọi việc từ thư ký đến phụ tá riêng của ông. Mỗi lần về Sài Gòn tôi lại thăm anh, tôi thường gặp anh bên cạnh ông Giám Đốc. Khi được anh giới thiệu, ông Phụng đón tiếp tôi rất niềm nở, thoải mái. Anh Trí tính tình cởi mở, luôn luôn nở nụ cười vui vẻ với mọi người, anh cũng rất khéo léo, một điều mà tôi học được nơi anh là mỗi lần gặp bạn bè, anh lúc nào cũng nhớ một điểm đẹp nào đó của người bạn hay một câu nói ý nghĩa của họ để nhắc lại. Tỉ dụ như gặp Hải, Trí nói Hải ơi bạn bè ai cũng nhớ lời khuyên vô giá của bạn là còn trẻ đừng quên học hành. Học càng cao trí óc càng mở mang và giúp cho chúng ta có công ăn việc làm tốt, có tấm lòng cởi mở hơn. Thời gian đó 1954-1960 là thời gian miền Nam đang chuyển động, phát triển mạnh, mở rộng của nền giáo dục, tuổi trẻ ai cũng lo đi học, đi làm. Gặp tôi thì anh nói hôm nọ cậu nói câu đó ... đúng quá, làm tôi suy nghĩ hoài, tôi thật sự cũng không nhớ là mình đã nói điều đó hay không. Nhưng tôi vẫn cảm thấy thoải mái lâng lâng về lời khen của Trí trước bạn bè. Còn đối với mấy cô gái trẻ, các cô sinh viên của Học Viện thì anh hình như không bao giờ thiếu lời khen họ, mỗi người mỗi câu và lời khen được chọn lọc, thực tế không quá thố lộ làm nhiều cô chắc không khỏi thỏn thức vì được khen đúng người, đúng vẻ. Anh có cái hay là nhớ và biết ai thích gì, ưa nói chuyện như thế nào. Mỗi lần chúng tôi gặp lại nhau, anh lại kể cho tôi nghe, anh mới quen cô này cô nọ, toàn là mấy cô gái trẻ đẹp, con nhà gia thế. Anh thường kể cho chúng tôi nghe cô này học Gia Long, cô nọ học Marie Curie, anh đang làm việc ở

trường Quốc Gia Âm Nhạc, nơi thu hút nhiều thanh nam, thiếu nữ trẻ đẹp, nên có nhiều cơ hội chỉ dẫn cho họ rồi đi đến chỗ quen biết dễ dàng. Anh ăn ở ngay trong trường, căn nhà ngang được chia làm nhiều phòng, phòng đầu cấp cho anh, anh dùng làm phòng làm việc và ở luôn tại đó. Ba, bốn phòng kế cận được dùng làm các lớp dạy cổ nhạc. Bạn bè đến chơi với anh đều thấy thoải mái, anh lúc nào cũng tiếp bạn bè niềm nở, có sẵn một vài món quà tặng bạn bè lưu giữ làm kỷ niệm. Những món đồ tặng thường nhỏ nhưng có ý nghĩa. Một lần anh gắn vào túi tôi cây viết Bic loại bấm lên xuống, nói bây giờ ai cũng đeo hai ba cây bút trước ngực để tỏ ra mình là trí thức, cậu có dáng vẻ thư sinh, đeo kính cận nếu thêm cây viết trước ngực thì đúng là nhà trí thức trẻ tuổi. Có lần tôi nói chuyện với anh là anh cũng giống tôi, có cái gì hay đẹp mình lại thích dành cho bạn bè. Anh rỉ tai tôi: của cho là của được, mình cho ai hay tặng ai cái gì là mình được thêm nhiều thứ đáp lại, thấy tôi có vẻ chưa hiểu, anh nói mình cho ai một món quà mình nhận ngay được lời cảm ơn, nhận được đáp lễ và nhiều khi những đôi mắt triu mến của những người mình muốn làm quen. Vào năm 1959,1960, anh giới thiệu với tôi nhiều bạn gái trong đó có hai cô đã dành nhiều cảm tình với anh là Mậu Hải và Thục Đoan, cả hai đều trẻ đẹp, tính tình dễ thương. Mậu Hải đang học đệ nhất Gia Long, tuổi chừng 17, 18 nhí nhánh thơ ngây. Bạn Trí kể cho tôi nghe nhiều về Mậu Hải, có lần dẫn tôi tới thăm gia đình Mậu Hải, cả gia đình đều quý mến anh. Anh cũng thường đến chỗ mọi người đi chơi. Hồi đó anh mua được chiếc Simca9 cũ nhưng còn tốt, có xe hơi vào những năm 60 là biểu tượng của dân giàu có,



của giai cấp cao, quyền thế. Anh Trí đã bước vào giai tầng thượng lưu này. Với chiếc xe hơi, tôi thấy anh hết sức bận rộn, hết chỗ người này đến người khác, đi chơi đi công việc ai cũng muốn nhờ anh, tôi cũng đã vài lần mượn chiếc xe của anh để chở bạn bè vào những dịp cưới hỏi. Anh cho biết anh đã có hai cuộc tình đến gần như cùng một lúc. Một người nhí nhảnh, tươi mát, hồn nhiên, xinh đẹp và trẻ trung lúc nào cũng nói chuyện líu lo như chim hót, đó là Mậu Hải đang học lớp đệ nhất ở vào tuổi 17, 18. Gia đình thuộc giai cấp công chức trung lưu, yêu anh cuồng nhiệt, còn một người thì chững chạc, đoan trang, giáng đáp quý phái, gia đình khá giả, công chức bậc trung, cô ăn nói từ tốn, chín chắn, cô đang học được khoa, ngày đó ai vô được y dược được coi là thành phần học giỏi, gia đình gia thế hay sung túc mới có thể yểm trợ cho con cái ăn học đến nơi đến chốn như vậy. Trí nói anh nghĩ rằng anh không thể lấy Thục Đoan dù anh biết cô yêu anh vì giai cấp hai gia đình quá chênh lệch, gia đình anh thì nghèo, anh không được ăn học đến nơi đến chốn. Anh đã chọn Mậu Hải, Mậu Hải thông minh, bình dị không có nhiều tham vọng và hai người kết hôn vào đầu năm 1961, anh đã mời tôi làm phù rể. Hai vợ chồng dọn về ở trong Trường Quốc Gia Âm Nhạc. Sau khi lấy nhau, thực tế của đời sống với nhiều nhu cầu thiết yếu đã làm cho cuộc sống của vợ chồng anh gặp nhiều khó khăn. Lương của anh không đủ cho một gia đình nhỏ. Mặc dầu anh là người có nhiều sáng



Nguyễn Văn Trí  
năm 2010

kiến, nhiều chương trình làm ăn để cầu tiến, để vươn lên, nhưng tất cả còn trong lý thuyết, anh chưa thực hiện được điều sở ước nào thì hôn nhân đã tới. Anh nói tình yêu đến với anh quá cuồng nhiệt và gia đình nhà gái muốn anh chị sớm đi đến hôn nhân. Một túp lều tranh, hai trái tim vàng nhưng vẫn bị sáo trộn bởi thiếu hụt tiền bạc, cơm gạo. Năm sau cháu trai Trí Khôi ra đời, cuộc sống của anh chị lại khó khăn thêm. Tôi nhớ anh có mở một quán giải khát có ăn sáng cho chị làm để kiếm thêm thu nhập tại trường nhưng cũng chẳng được là bao. Ít lâu sau anh bị gọi nhập ngũ, anh lên đường với 9 tháng quân trường rồi nay đây mai đó, tình hình chiến sự càng ngày càng gia tăng, do việc Cộng Sản đòi hỏi bầu cử theo như qui định bởi Hiệp Định Geneve, nhưng không được vì chính phủ miền Nam chấp thuận vì biết rõ bộ mặt thật lừa gạt dân của chúng. Chúng bày ra mặt trận giải phóng miền nam, lấy chiêu bài dân chúng nổi dậy tự phát để xâm lấn miền Nam. Anh đã lên đường, lương lính không đủ trợ giúp gia đình nên Mậu Hải phải bế con về ở với bố mẹ.

Sau một thời gian xa cách, cuộc tình sôi nổi của anh chị một thời cũng nguội dần rồi tan vỡ, Mậu Hải ôm cầm sang thuyền khác, trao trả lại cho anh đứa con trai, anh nhờ bên nội nuôi nấng dùm. Cuộc chiến ở miền Nam đã làm cho những giấc mộng làm giàu, sống thoải mái với vợ đẹp con khôn của anh đứt đoạn. Thuyền tình vừa rời bến đã gặp sóng lớn làm vạt vờ rồi tan vỡ. Mỗi lần gặp anh,

anh đều kể chuyện về mối tình đẹp của anh chị, rồi nói số trời đã định, nên anh chị chỉ có thể sống với nhau được 6 năm. Bây giờ hai người vẫn là bạn, xem gia đình hai bên như gia đình của mình.

Khi trở về Sài Gòn làm việc, anh gặp lại Thục Đoan, cô cho hay tình cảm của cô dành cho anh vẫn như xưa, nghĩa là vẫn yêu anh dù thời gian đã qua 12 năm. Cô và cả gia đình vẫn dành cho anh mọi cảm tình yêu quý. Đã nhiều người quen hay do mai mối nghĩ ý muốn lấy cô, nhưng cô đều từ chối. Trí nói: trước tình cảm âm thầm và chung thủy của Thục Đoan suốt 12 năm qua, anh đã xóa bỏ được mặc cảm thua kém về học vấn, về giai cấp và ý thức môn đăng hộ đối. Hai người đã đi đến hôn nhân vào tháng giêng năm 1968. Thục Đoan là cô gái thùy mị, duyên dáng, Ý tứ, lại học giỏi. Cô bỏ ngành dược, đi dạy học hai môn Pháp và Anh Văn, đến 48 giờ một tuần, để cuộc sống gia đình không bị thiếu thốn. Dù cho cuộc chiến càng ngày càng tàn khốc, gia đình anh chị càng bồng bênh, Thục Đoan đã mang lại cho anh một niềm vui sống yêu đời, yêu quê hương đất nước, một tình yêu chân chất. Cô luôn coi anh như một người anh và cũng sẵn sàng ngăn cản anh khi thấy anh có làm điều gì sai trái. Anh chị được hai người con, một trai và một gái, cộng cháu trai đầu là ba. Ra hải ngoại được ít lâu, Thục Đoan lâm bạo bệnh và ra đi vào năm 1989 để lại cho anh bầy con nhỏ. Anh kể rằng 21 năm chung sống, rồi 22 năm ly biệt, kỷ niệm yêu thương tràn đầy vẫn còn trong anh. Gặp lại anh cách đây ba năm, bước vào tuổi ngoài bẩy mươi, tôi thấy anh vẫn hoạt bát, vui vẻ, trẻ trung và khỏe mạnh. Anh đã tìm thấy sự bất tử trong tình yêu. Anh sống với đầy kỷ

## LA SOLITUDE

Le jour où j'ai vécu cette colère  
Après avoir pleuré comme un enfant.  
J'ai pris l'habitude d'aimer la solitude.  
Quand tout est complexe et bruyant  
La solitude est ma seule amie  
Elle m'apaise  
Au bord du lac des pensées solitaires  
Elle m'emmène  
Et y reflète mon visage ébréché  
La solitude est affectueuse  
C'est l'intimité sélective  
Si difficile à approcher.

## No Chon Myung

**No Chon Myung:** (1912-1967) Nữ thi sĩ Đại Hàn. Bà sinh tại Whang-Hal, ký giả về văn học cho nhật báo Chosun Ilbo, Giáo sư Đại học Mỹ Thuật Séoul.)

## CÔ ĐƠN

Ngày tôi đã sống gặm hờn,  
Sau khi khóc như đứa trẻ,  
Tôi mang thói yêu cô đơn.  
Mọi thứ ồn ào phức tạp,  
Cô đơn là bạn duy nhất.  
Bạn làm xoa dịu tâm hồn,  
Bên hồ suy tư quanh quẽ  
Bạn dẫn dắt tôi đến nơi  
Phản chiếu mặt tôi nứt mẻ.  
Cô đơn rất đổi triu mến,  
Đó là thân mật chọn lọc,  
Rất khó để mà tới gần.

## Nguyễn Mây Thu

Dịch  
(Paris, 27-04-2011)

niệm. Anh tự hào kể rằng mỗi ngày đã qua là một kỷ niệm êm đẹp. Cuộc đời của anh là đáng sống, anh đã làm những công việc mà anh không ngờ tới là mở được một nhà hàng ăn ở Marseille và nuôi được cả ba con nên người. Từ ngày chị Thục Đoan ra đi, anh không nghĩ đến chuyện lấy vợ nữa, anh cho là anh còn bốn phận với con cái, nay chúng đã học hành xong, đã có công ăn việc làm tốt, có gia đình, thế là anh mãn nguyện. Gần đây anh có làm một cuốn băng khá công phu nói về đời sống của anh qua hai cuộc tình mà anh cho là buồn nhưng đẹp và cuộc sống của các con anh. Nếu có những gì xảy ra không hay anh cho đó là số trời mà không oán trách, giận hờn ai cả. Tôi coi cuốn băng anh thực hiện là một công trình đáng khen, coi nó như một cuốn hồi ký về đời mình, cuộc đời của anh mà tôi thấy cả một thời gian dài có tôi cùng những người cùng lớp tuổi trong đó. Thời đại anh sống là thời chiến tranh khắc nghiệt, tàn khốc đầy oan khiên ngang trái, làm cho nhiều người đau đớn, bệnh tật, chia lìa mà với anh sự đau khổ làm cho tâm hồn con người thêm nhẹ nhàng và thanh cao. Bạn Trí đã được hưởng hai mối tình đẹp mà ít ai có được, khi cuộc tình mất, anh chỉ cho đó là số mệnh, và nâng niu những ngày tháng cũ qua những ngày lao động vất vả chăm lo cho các con nên người. Ghé thăm anh ở Marseille, anh chỉ cho chúng tôi xem hình ảnh của gia đình anh, nơi ăn chốn ngủ của chị Thục Đoan anh còn giữ nguyên vẹn, anh nói như vậy anh không phải đập cổ kính ra tìm lấy bóng. Hình bóng của người anh yêu luôn luôn ở bên anh, phù hộ cho anh như lời chị nói lúc còn sống, là sẽ cố gắng mãi mãi bên nhau.

Sau tháng tư 1975, chúng tôi đã là chúng nhân của nhiều đổi thay, nhiều câu chuyện nhân gian nó đến rồi đi như mình không hề tưởng tượng ra được. Có vài anh bạn, lúc vợ chết anh tỏ ra đau đớn, buồn phiền, có anh khóc buồn thảm như có thể ra đi theo vợ ngay được, vậy mà không ngờ chưa đến một năm sau, tôi đã thấy anh đang hoan hỉ với cuộc tình mới. Có bạn ngày xưa rất giàu, có đầu óc kiếm tiền, nhìn đâu anh cũng thấy có thể moi ra tiền, bây giờ ở hải ngoại phải làm ăn thực sự mới có cuộc sống dễ chịu thì anh sợ, anh chê, rồi đi đến buồn phiền, chán đời đưa gia đình đến chỗ suy sụp. Cuộc chiến miền Nam thay đổi là một sự đổi đời của mọi người, tôi nghĩ là một bài học lớn cho nhiều người trong chúng ta. Bạn Trí của tôi đã tỏ ra người biết sống, anh tranh đấu để vươn lên suốt cuộc đời nhưng chiến tranh đã lấy đi hết cả và anh chấp nhận những gì đã gặt hái được, sống trọn vẹn với nó rồi lưu giữ nó trong ký ức như những kỷ niệm buồn nhưng đẹp trong cuộc đời mình. Một triết lý sống cao mà mấy ai đã nhìn thấy.

**Đỗ Phú**  
(Virginia)

**XIN ĐỌC  
và  
CỔ ĐỘNG  
TẠP CHÍ CỎ THƠM**

# Tình Khơi Sóng Vỗ

© 1969 Huy Lâm

Nhạc & Lời:  
Huy Lâm

Slow ♩ = 56

Làn sóng — ngoài biển xa vờn bóng — chiều sắp qua,  
trời mây bao la một bóng ta. Hàng cánh — bướm nhấp nhô đùa trước — làn gió đưa,—  
— chân trời nhạt nắng bên bờ đại dương. Nhạc sóng — trầm tiếng ca, chiều  
xuống — buồn vắng xa, — khung trời xanh biếc một màu dịu hiền. Nàng đến — cùng với  
ta, tà áo — màu ước mơ, khóc tình duyên thiếu mặn mà. Ngày  
nào — môi hồng chưa biết sầu, — mơ tình duyên thắm màu, và mắt chưa hoen lệ  
sầu. Nhưng thôi em buồn làm chi, quên đi âu sầu biệt ly, nào ai hay

The musical score is written in treble clef with a 4/4 time signature. It features a tempo marking of 'Slow' and a metronome setting of 56. The melody is characterized by a series of eighth and quarter notes, often grouped in triplets. There are several trills and slurs throughout the piece. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes of the melody.

## TÌNH KHỜ SÓNG VỖ (trang 2)



ngờ tình chóng phai tàn! \_\_\_\_\_ Cuộc đời còn nhiều niềm vui, mộng đời còn



nhieu đẹp tươi, rồi một ngày mai em bước đi trên đường dưới ánh nắng ấm, quên



kiếp người bao đắng cay, ai biết tình ai đổi thay, làn sóng kia bao giờ dứt khúc ca triền



miên? Ngày nào \_\_\_\_\_ bên hàng cây liễu già \_\_\_\_\_ em cùng ta nô đùa, lòng trắng trong bên cuộc



dời. Đêm nay em tôi u buồn, mai đây nắng lên chân trời bùng tươi trăm



ngàn ánh dương hồng. \_\_\_\_\_ Làn sóng \_\_\_\_\_ ngoài biển khơi lùa bước \_\_\_\_\_ nàng với tôi,



rạt rào ru ai vào giấc mơ. Làn sóng \_\_\_\_\_ hòa tiếng ca, ngàn



ánh \_\_\_\_\_ vàng nhấp nhô \_\_\_\_\_ dưới trời sao Thái Bình Dương. \_\_\_\_\_